**Báo cáo Kinh nghiệm quốc tế về một số vấn đề liên quan đến Quản lý thuế**

Báo cáo tập trung cung cấp kinh nghiệm quốc tế về một số vấn đề liên quan đến quản lý thuế ở phần lớn các nước khu vực Châu Á và một số ít các quốc gia khu vực Châu Âu, bao gồm: (i) Phương thức thực hiện thủ tục quản lý thuế; (ii) Thủ tục đăng ký thuế; (iii) Quy định về kỳ tính thuế, khai thuế và nộp thuế; (iv) Quy định về việc quyết toán thuế đối với doanh nghiệp trước khi ngừng hoạt động, giải thể, phá sản; (v) Quy định về xử phạt vi phạm pháp luật về thuế**;** (vi) Quản lý thuế đối với vấn đề hoàn thuế GTGT; (vii) Về quy định xóa nợ tiền thuế; (viii) Quy định về khiếu nại, tố cáo; (ix) Quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử.

**1. Về phương thức thực hiện thủ tục quản lý thuế**

Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, hiện nay phần lớn các nước trên thế giới đều thực hiện phương thức quản lý thuế điện tử. Theo khảo sát của Tổ chức Hợp tác Phát triển Kinh tế (OECD), năm 2013, số tờ khai thuế TNCN qua mạng ở các nước OECD đạt bình quân 72%, ở một số nước không thuộc OECD tỷ lệ này cũng khá cao như ở Argentina và Brazil đạt 100%, Ấn Độ 80%, Malaysia 83%, Singapore 97%, Nam Phi 99%... Đối với thuế TNDN, tỷ lệ khai thuế qua mạng trung bình ở các nước OECD là 81%; ở một số nước không thuộc OECD như Argentina, Brazil và Ấn Độ là 100%, Malaysia 76%, Singapore 69%, Nam Phi 95%, Thái Lan 75%... Đối với thuế GTGT, tỷ lệ khai thuế qua mạng trung bình ở các nước OECD là 77%, ở Argentina, Costa Rica, Singapore là 100%, ở Nam Mỹ là 95%, Thái Lan 69%...

100% các nước OECD được khảo sát đặt mục tiêu thực hiện khai thuế qua mạng, 19/34 nước thực hiện nộp thuế qua mạng, 8/34 nước thực hiện hóa đơn VAT điện tử (gồm Bỉ, Chile, Séc, Hy Lạp, Hungary, Lúc xem bua, Slovenia, Tây Ban Nha). Hầu hết các nước ngoài khu vực OECD trong diện khảo sát cũng đặt mục tiêu thực hiện khai thuế qua mạng, trong đó có các nước khu vực châu Á như Hồng Kong, Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Singapore, Thái Lan. Đồng thời, nhiều nước cũng đưa ra mục tiêu nộp thuế qua mạng, trong đó có các nước châu Á như Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Thái Lan…[[1]](#footnote-1)

**2. Về thủ tục đăng ký thuế**

Thông lệ chung của nhiều nước trên thế giới là đơn giản hóa thủ tục đăng ký thuế cho người nộp thuế, chỉ yêu cầu người nộp thuế khai báo những thông tin ngắn gọn, cần thiết nhất cho công tác quản lý thuế như: Tên, địa chỉ, thông tin liên hệ của người nộp thuế; địa vị pháp lý; thông tin về đăng ký kinh doanh; loại hình kinh doanh; năm tài chính; doanh thu năm thực tế hoặc dự tính; các loại thuế phải đóng… Các dữ liệu đăng ký thuế được khai theo mẫu quy định. Cơ quan thuế sẽ cấp mã số thuế và chứng nhận đăng ký thuế cho người nộp thuế.

Cụ thể quy định về đăng ký thuế ở một số nước như sau:

- Trung Quốc: Người nộp thuế phải thực hiện đăng ký thuế trong vòng 30 ngày sau khi được cấp giấy phép kinh doanh. Tờ khai đăng ký thuế gồm các nội dung: Tên doanh nghiệp, số CMND của người đại diện, địa chỉ, loại hình đăng ký, phương pháp kế toán, loại hình sản xuất kinh doanh, phạm vi sản xuất kinh doanh, vốn đăng ký/vốn đầu tư, thời gian sản xuất kinh doanh, thông tin liên lạc của người phụ trách tài chính… Thông thường, người nộp thuế phải nộp bản cứng của tờ khai đăng ký thuế, tuy nhiên, một số cơ quan thuế địa phương có thể yêu cầu nộp bản điện tử. Thông thường, cơ quan thuế sẽ xử lý và cấp cho người nộp thuế giấy chứng nhận đăng ký thuế vào ngày mà hồ sơ đăng ký thuế được nộp. Người nộp thuế nộp đăng ký thuế muộn hơn thời gian quy định sẽ bị nộp phạt (mức cao nhất lên đến 10.000 NDT).

- Ấn Độ: Tờ khai đăng ký thuế có thể thực hiện qua mạng nhưng vẫn bắt buộc gửi kèm bản cứng có chữ ký cùng các giấy tờ liên quan. Cơ quan thuế sẽ cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế cho người nộp thuế.

- Indonesia: Hồ sơ đăng ký thuế được nộp bằng bản cứng theo mẫu do cơ quan thuế quy định. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thuế sẽ tiến hành xác minh và cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế trong vòng 5 ngày làm việc. Trong quá trình xác minh, cơ quan thuế có thể đến kiểm tra trực tiếp tại trụ sở của người nộp thuế.

- Hàn Quốc: Hồ sơ đăng ký thuế gồm các văn bản liên quan đến thông tin của doanh nghiệp, ban giám đốc, chứng nhận đăng ký kinh doanh và một số giấy tờ khác.

**3. Quy định về kỳ tính thuế, khai thuế và nộp thuế**

Nhìn chung, các quốc gia đều quy định kỳ tính thuế của doanh nghiệp (DN)/cá nhân (CN) là năm dương lịch (từ 1/1 đến 31/12) (Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ma-lay-xi-a, Xing-ga-po, Trung Quốc…), một số ít quốc gia kỳ tính thuế tuân theo năm tài khóa (12 tháng) không trùng với năm dương lịch (ở Phi-líp-pin kỳ tính thuế của DN kết thúc vào tháng 12 hoặc tháng 3; Hàn Quốc quy định năm tính thuế là năm tài chính do người nộp thuế đưa ra nhưng không vượt quá 12 tháng...). Do đó, quy định về ngày nhận hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp tờ khai thuế cũng như quy định về nộp thuế khá khác biệt ở các nước (Phụ lục 4). Tại **Trung Quốc[[2]](#footnote-2)**, Luật Quản lý thu thuế sửa đổi năm 2012 quy định đối với trường hợp ***người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế qua đường bưu điện thì ngày thực tế kê khai thuế được tính theo dấu bưu điện*** và người nộp thuế không phải nộp thuế trong kỳ nộp thuế vẫn phải thực hiện việc kê khai thuế theo quy định; đối tượng được miễn, giảm thuế phải kê khai thuế theo quy định trong suốt kỳ giảm, miễn thuế. Tại **Phi-líp-pin**, DN phải nộp tờ khai thuế (TKT) thu nhập theo quý và nộp TKT cuối cùng hàng năm trước hoặc vào ngày thứ 15 của tháng thứ tư sau khi kết thúc năm tính thuế. Tại **Hàn Quốc**, DN phải nộp TKT cuối cùng trong vòng 03 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Tại **In-đô-nê-xi-a[[3]](#footnote-3)**, doanh nghiệp phải nộp tờ khai thuế và nộp thuế theo tháng hoặc theo năm và việc nộp thuế được tiến hành thông qua hình thức điện tử áp dụng từ 1/7/2016, cụ thể như sau:

*Đối với việc khai thuế và nộp thuế theo tháng*:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại thuế** | **Hạn khai thuế** | **Hạn nộp thuế** |
| TNDN | Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo | Ngày thứ 10 của tháng tiếp theo |
| TNCN | Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo | Ngày thứ 15 của tháng tiếp theo |
| GTGT | Ngày cuối cùng của tháng tiếp theo | Trước ngày đến hạn nộp TKT |

*Đối với việc khai thuế và nộp thuế theo năm*:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại thuế** | **Hạn khai thuế** | **Hạn nộp thuế** |
| TNDN | Ngày cuối cùng của tháng thứ tư sau khi kết thúc kỳ kế toán năm | Ngày cuối cùng của tháng thứ tư sau khi kết thúc kỳ kế toán năm và trước ngày đến hạn nộp TKT |
| TNCN | Ngày cuối cùng của tháng thứ ba sau khi kết thúc năm dương lịch | Ngày cuối cùng của tháng thứ ba sau khi kết thúc năm dương lịch và trước hạn nộp TKT |

**4. Quy định** **về việc quyết toán thuế đối với doanh nghiệp trước khi ngừng hoạt động, giải thể, phá sản**

**Ý[[4]](#footnote-4)** đã thực hiện cải cách thủ tục phá sản của doanh nghiệp vào năm 2009[[5]](#footnote-5), theo đó quy định sửa đổi rằng đối tượng nợ thuế trước khi thực hiện giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động phải nộp đơn cho cơ quan thuế có liên quan (theo điều 160 của Luật Phá sản) và giải quyết tranh chấp về quyết toán thuế trước khi đưa ra tòa án thuế.

Theo điều 182(3)(1) của Luật Phá sản, đối tượng nộp thuế phải nộp đơn xin quyết toán thuế tới cơ quan thuế có thẩm quyền gần nơi cư trú nhất và cơ quan thuế có trách nhiệm quyết toán thuế đối với các loại thuế mà đối tượng nộp thuế phải nộp như các khoản nợ phải thanh toán bao gồm các khoản thuế quá hạn thanh toán đối với thuế TNCN, thuế TNDN (và các khoản thuế bổ sung khác); đơn xin quyết toán thuế phải có thêm một bản sao và tờ khai thuế cho tất cả các thời kỳ còn phải thanh toán. Điều khoản này được áp dụng đối với tất cả nợ thuế mà cơ quan thuế phải thu.

Trong thời hạn 30 ngày, cơ quan thuế phải cung cấp cho doanh nghiệp nợ thuế bản xác nhận về số thuế mà doanh nghiệp còn nợ. Sau đó, bản xác nhận của cơ quan thuế phải được chuyển cho chủ thể được chỉ định quá trình thanh lý, giải thể doanh nghiệp do tòa án chỉ định. Theo điều 171(1) và 172 của Luật phá sản yêu cầu chủ thể thực hiện thanh lý phải (i) xác minh danh sách chủ nợ và chủ thể mắc nợ; (ii) thực hiện một cuộc họp đối với chủ nợ; (iii) chuẩn bị kiểm kê tài sản của đối tượng nợ thuế và chuẩn bị báo cáo bằng văn bản về nguyên nhân gây ra các vấn đề tài chính của đối tượng nợ thuế.

Tại **Bồ Đào Nha[[6]](#footnote-6)**, theo quy định của pháp luật, quyết toán thuế đối với doanh nghiệp phá sản khá khác biệt. Khi doanh nghiệp giải thể, phá sản thì doanh nghiệp thực hiện việc bán các tài sản giải thể, do vậy việc quyết toán thuế được thực hiện đối với các tài sản bị giải thể đó vì lợi ích của cổ đông và lợi ích của chủ nợ (bao gồm cả cơ quan thuế nếu doanh nghiệp đó nợ thuế).

Tại **Mỹ**[[7]](#footnote-7), theo quy định chung nếu doanh nghiệp không nộp tờ khai thuế thu nhập ít nhất 02 năm trước khi nộp đơn tuyên bố phá sản thì cơ quan thuế không có cách nào xác định nghĩa vụ thuế, khi đó doanh nghiệp không thể thực hiện việc chấm dứt hoạt động kinh doanh được cho đến khi doanh nghiệp thực hiện khai thuế và cơ quan thuế thực hiện đánh giá thuế cuối cùng.

Ở **bang Oklahoma[[8]](#footnote-8)**, theo tiết 68, phần 219.1 Điều lệ của bang, cơ quan thuế của bang thực hiện xem xét, đánh giá quyết toán thuế trong trường hợp: (i) việc thu thuế và các khoản phạt phát sinh dẫn tới việc đối tượng nộp thuế tuyên bố phá sản và số thuế quyết toán phản ánh khả năng có thể thu lại được; (ii) số thuế không thu được do đối tượng nộp thuế mất khả năng chi trả (phá sản) vì nhiều yếu tố vượt quá sự kiểm soát của người nộp thuế và số thuế quyết toán phản ánh khả năng có thể thu lại được... Việc quyết toán thuế phải được thực hiện trước khi doanh nghiệp tiến hành chấm dứt hoạt động, phá sản.

Theo quy định**,** đối tượng nộp thuế có quyền nộp đơn quyết toán thuế nếu đáp ứng được điều kiện: (i) đã hoàn thành nghĩa vụ thuế cuối cùng; (ii) đối tượng nộp thuế phải có mặt cùng với tất cả các yêu cầu về nộp hồ sơ khai thuế của cơ quan thuế; (iii) đối tượng nộp thuế không thuộc đối tượng đang trong quá trình thực hiện phá sản; (iv) người nộp thuế không phải là đối tượng điều tra hình sự hoặc truy tố hình sự liên quan đến thuế của Nhà nước.

Tuy nhiên, một số nước sử dụng kết quả kiểm toán độc lập để thay cho cơ quan thuế phải kiểm tra quyết toán đối với doanh nghiệp giải thể, chấm dứt hoạt động. Cụ thể:

Tại **Mỹ[[9]](#footnote-9)**, theo quy định chung, hồ sơ quyết toán thuế cho doanh nghiệp bao gồm: (1) Hồ sơ kiểm tra hoàn thuế của cấp liên bang; (2) Báo cáo kiểm toán của cơ quan thuế nội địa; (3) Biên lai xác minh thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp. Tuy nhiên, quy định hiện hành cũng cho thấy trong nhiều trường hợp cần có kết quả của kiểm toán độc lập (công ty kiểm toán bên ngoài) khi một doanh nghiệp (là đối tượng nợ thuế) nộp đơn phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động. Công ty kiểm toán độc lập yêu cầu doanh nghiệp nộp toàn bộ các tờ khai thuế trong vòng 2-4 năm trước khi nộp đơn xin phá sản. Sau đó, kiểm toán viên lập báo cáo cuối cùng và nộp cho tòa án, nếu không có bất kỳ sai lệch gì so với quyết toán thuế của cơ quan thuế thì doanh nghiệp phá sản được miễn trách nhiệm nộp thuế. Nếu có sự sai lệch đáng kể giữa kết quả kiểm toán độc lập với quyết toán của cơ quan thuế hoặc doanh nghiệp không đáp ứng yêu cầu của công ty kiểm toán thì tòa án có thể buộc doanh nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ thuế đối với cơ quan thuế.

Tại **In-đô-nê-xi-a[[10]](#footnote-10)**, Tổng cục thuế (trực thuộc Bộ Tài chính) thực hiện kiểm toán đối với đối tượng nộp thuế (cá nhân, doanh nghiệp) với nhiều nguyên nhân: (i) khi đối tượng nộp thuế yêu cầu hoàn thuế; hoặc (ii) trong trường hợp doanh nghiệp muốn thực hiện việc mua lại, sáp nhập, thanh lý hoặc chấm dứt hoạt động; hoặc (iii) Tổng cục thuế có thể lựa chọn một vài đối tượng để thực hiện kiểm toán dựa trên tiêu chí quản lý rủi ro. Đối tượng nộp thuế khi có yêu cầu bị kiểm toán phải nộp các giấy tờ cần thiết cho kiểm toán viên trong vòng 01 tháng kể từ ngày bị yêu cầu.

Dựa trên việc sử dụng kết quả kiểm toán của chính cơ quan thuế, thông báo về đánh giá thuế sẽ được cơ quan thuế đưa ra. Theo Luật về Quy trình và thủ tục thuế, thông báo đánh giá thuế được đưa ra trong vòng 05 năm kể từ ngày kết thúc kỳ tính thuế hoặc năm tính thuế (trước đây quy định là 10 năm).

Tại **Xing-ga-po[[11]](#footnote-11)**, theo Luật Doanh nghiệp hiện hành, doanh nghiệp phá sản khi không thể đáp ứng được các khoản nợ đến hạn. Đối với doanh nghiệp nhỏ, hoặc đang hoạt động[[12]](#footnote-12) khi thực hiện phá sản không cần có kết quả của kiểm toán nhưng phải nộp báo cáo tài chính cho cơ quan Kế toán và quản lý doanh nghiệp (Accounting and Corporate regulatory Authority - ACRA)[[13]](#footnote-13). Nếu thấy cần thiết thì ACRA có thể yêu cầu tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính của các doanh nghiệp trên hoặc có thể yêu cầu báo cáo của kiểm toán độc lập để hỗ trợ cho quá trình đánh giá[[14]](#footnote-14).

Các doanh nghiệp trước khi thực hiện quá trình thanh lý, giải thể, chấm dứt hoạt động phải thực hiện nghĩa vụ thuế bao gồm việc nộp tờ khai thuế (thủ tục này được thực hiện sau khi doanh nghiệp hoàn thành việc nộp hồ sơ báo cáo tài chính cho ACRA). Sau đó doanh nghiệp phải thực hiện các công việc đối với cơ quan thuế theo quy định hiện hành, bao gồm: (i) thông báo cho cơ quan thu nội địa của Xing-ga-po (IRAS) biết và nộp tờ thông báo liên quan đến việc chỉ định chủ thể đứng ra thực hiện quá trình thanh lý, giải thể; (ii) nộp tất cả các tờ khai thuế thu nhập chưa trả hết (mẫu C-S/C) và các báo cáo tài chính *đã được kiểm toán và chưa được kiểm toán* và tính thuế của doanh nghiệp đến ngày thanh lý, giải thể; (iii) nộp các biên lai, hóa đơn thanh toán trong quá trình thanh lý; (iv) đảm bảo doanh nghiệp giải quyết các vấn đề tồn đọng về thuế trước khi hoàn thành quá trình thanh lý.

**5. Quy định về xử phạt vi phạm pháp luật về thuế**

***5.1. Quy định về mức phạt đối với các hành vi vi phạm phát luật về thuế***

Hầu hết các quốc gia đều đưa ra quy định về xử phạt vi phạm pháp luật về thuế với các hành vi không nộp tờ khai thuế đúng hạn, không nộp thuế đúng hạn, không báo cáo chính xác nghĩa vụ thuế...và mức phạt khác nhau tương ứng với từng hành vi vi phạm. Cụ thể, quy định mức phạt đối với hành vi chậm nộp thuế ở các nước rất khác nhau, có nước đưa ra mức lãi suất nộp phạt theo: *(i)* năm (Bỉ, Phần Lan, Italia); *(ii)* tháng (Đức, Luxumbour, Bồ Đào Nha, Thổ Nhĩ Kỳ) hoặc *(iii)* ngày (Úc, Cộng hòa Séc, Ai Lan, Hàn Quốc). Đối với nộp phạt hành chính các nước thường khống chế tỷ lệ % theo số thuế phải nộp như Áo là 10%; Canada là 5% + 1% cho mỗi tháng nộp chậm, Aixơlen là 25%...; Đối với lãi suất phạt chậm nộp thuế cơ bản là dưới 0,05%/ngày như: Ai - len là 0,03%/ngày và Hàn Quốc là 0,03%/ngày...(Phụ lục 5).

***5.2. Quy định về thời hiệu xử phạt vi phạm pháp luật về thuế***

Tại **Phi-lip-pin**, **Thái Lan** đối với hành vi khai thuế giả mạo hoặc gian lận hoặc không nộp tờ khai thuế, *thời hiệu xử phạt là 10 năm* *kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm*[[15]](#footnote-15). Tại **In-đô-nê-xi-a[[16]](#footnote-16)**, theo Luật Quản lý thuế hiện hành, đối với hành vi gian lận nộp thiếu số tiền thuế, thời hiệu xử phạt là 05 năm kể từ thời điểm bắt đầu nghĩa vụ thuế của đối tượng nộp thuế. Tại **Pháp[[17]](#footnote-17)**, trong trường hợp trốn thuế, thủ tục tố tụng hình sự có thể được tiến hành *trong 06 năm kể từ ngày hành vi vi phạm được thực hiện*. Tại **Bỉ[[18]](#footnote-18)**, trong trường hợp vi phạm pháp luật liên quan đến thuế thu nhập, có hành vi gian lận và có ý định trốn thuế, thời hiệu xử phạt là 07 năm. Tại **Thụy Sỹ**[[19]](#footnote-19)**,** trong trường hợp trốn thuế, thời hiệu xử phạt là 10 năm kể từ ngày hành vi vi phạm thực hiện.

***5.3. Quy định về cưỡng chế thuế, chế tài xử phạt***

Nghiên cứu kinh nghiệm các nước cho thấy, trong trường hợp đối tượng nộp thuế vi phạm và làm phát sinh nợ thuế, thì phần lớn các quốc gia hiện nay sử dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi nợ thuế đối với người đứng đầu quản lý doanh nghiệp khi vi phạm luật thuế (Úc, Cam-pu-chia, In-đô-nê-xi-a, Hàn Quốc, Ma-lay-xi-a, New Zealand, Phi-líp-pin, Luxembourg...)[[20]](#footnote-20), ngoài ra các quốc gia cũng sử dụng biện pháp tịch thu tài sản của chủ nợ (Phi-líp-pin, Trung Quốc, Ma-lay-xi-a, New Zealand, Xing-ga-po, Thái Lan,...)***.***

Tại **Luxembourg**[[21]](#footnote-21)**,** từ 14/12/2016, Quốc hội đã phê duyệt dự thảo Luật số 7020 về cải cách thuế 2017, theo đó có nhiều thay đổi đối với quản lý thuế GTGT. Cụ thể trong trường hợp doanh nghiệp không hoàn thành nghĩa vụ thuế GTGT thì người quản lý trực tiếp của doanh nghiệp sẽ phải chịu trách nhiệm về việc thanh toán khoản thuế GTGT mà công ty đang nợ đối với cơ quan thuế.

Tại **Phi-líp-pin[[22]](#footnote-22)** là cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản hoặc thu tiền của đối tượng bị cưỡng chế hoặc bằng một thủ tục tố tụng tại tòa trong vòng 05 năm kể từ thời điểm cơ quan thuế phát hiện hành vi vi phạm.

Tại **In-đô-nê-xi-a[[23]](#footnote-23)**, biện pháp cưỡng chế thuế chỉ được thực hiện khi các khoản thuế đến hạn phải thu chưa được người nộp thuế thanh toán đầy đủ. Theo Luật quản lý thuế hiện hành, cơ quan thuế thực hiện các bước sau để cưỡng chế thu hồi nợ thuế: (1) Gửi Thư Cảnh cáo đến người nộp thuế nếu khoản nợ thuế chưa được thanh toán trong vòng 07 ngày kể từ ngày hết hạn nộp thuế; (2) Đưa ra Lệnh Kê biên nếu khoản nợ thuế chưa được thanh toán trong vòng 21 ngày kể từ ngày gửi Thư Cảnh cáo; (3) Đưa ra Lệnh Tịch thu tài sản nếu khoản nợ thuế chưa được thanh toán trong vòng 48 giờ kể từ ngày đưa ra Lệnh Kê biên; (4) Ban hành một Thông báo đấu giá đối với tài sản bị tịch thu nếu khoản nợ thuế chưa được thanh toán trong vòng 14 ngày kể từ ngày đưa ra Lệnh Tịch thu tài sản; (5) Thực hiện đấu giá công khai nếu khoản nợ thuế chưa được thanh toán trong vòng 14 ngày kể từ ngày đưa ra Thông báo đấu giá. Cơ quan thuế thực hiện phân bổ các khoản thu được từ việc đấu giá tài sản bị tịch thu: (i) thanh toán các khoản thuế chưa được nộp; (ii) bù đắp các khoản phạt trên số thuế và phí đấu giá; (iii) phần còn lại được chuyển lại cho đối tượng bị cưỡng chế thuế.

Tại **Nhật Bản[[24]](#footnote-24),** theo Luật Thu thuế quốc gia biện pháp cưỡng chế thuế đối với các khoản nợ thuế chưa được thanh toán kể từ ngày hết hạn nộp thuế bằng cách tịch thu tài sản hoặc chuyển đổi tài sản của người nộp thuế thành tiền, đấu giá tài sản thành tiền mặt. Các thủ tục thực hiện như sau: (i) Cơ quan thuế gửi thư thông báo thu các khoản thuế quá hạn trong vòng 50 ngày kể từ ngày hết hạn nộp thuế; (2) Nếu thanh toán không được thực hiện trong vòng 10 ngày kể từ ngày ra thông báo, cơ quan thuế bắt đầu tiến hành các biện pháp cưỡng chế thuế mà không cần có giấy phép của tòa án.

Nếu người nộp thuế không có tài sản, hoặc việc thu nợ thuế ảnh hưởng đến cuộc sống của người nộp thuế, cơ quan thuế có thể tạm ngừng thủ tục thu thuế quá hạn. Nếu lệnh tạm ngừng kéo dài trong 03 năm thì nghĩa vụ nộp thuế của đối tượng bị cưỡng chế được xóa bỏ.

Tại **Hàn Quốc[[25]](#footnote-25),** theo Luật Thu thuế quốc gia biện pháp cưỡng chế thuế theo hình thức thu hồi tài sản của người nộp thuế được thực hiện khi người nộp thuế không nộp tờ khai thuế hoặc không nộp thuế, theo đó cơ quan thuế thực hiện (1) *Thông báo yêu cầu thanh toán gửi trực tiếp đến đối tượng không nộp đủ thuế vào ngày đến hạn;* (2) Nếu người nộp thuế không nộp tờ khai thuế vào ngày ghi trong Thông báo, cơ quan thuế có quyền yêu cầu cưỡng chế đối với tài sản gắn liền với người nộp thuế (tài sản lưu động, chứng khoán; bất động sản; tài sản đang bị khiếu kiện và các quyền tài sản khác); (3) Nếu tài sản của người chậm nộp thuế có liên quan quan đến thủ tục thanh lý phá sản thì cơ quan thuế có thể yêu cầu một phần tiền thu được từ việc bán tài sản đó...

Tại **Trung Quốc[[26]](#footnote-26),** theo LuậtQuản lý thu thuế 2012, biện pháp cưỡng chế thuế là thu hồi tài sản của người nợ thuế. Đối với tài sản tịch thu để thực hiện cương chế thuế và bán đấu giá công khai nhằm bù đắp các khoản thuế còn nợ và các khoản phạt thuế, số tiền còn lại sau khi thực hiện hết các nghĩa vụ sẽ được chuyển cho người nộp thuế trong vòng 3 ngày sau.

**6. Quản lý thuế đối với vấn đề hoàn thuế GTGT**

***6.1. Quy trình, thủ tục, hồ sơ thực hiện hoàn thuế GTGT***

Quy trình thực hiện hoàn thuế gồm các bước:

(1) Người nộp thuế gửi hồ sơ hoàn thuế điện tử hoặc nộp đơn xin hoàn thuế trực tiếp tại cơ quan thuế hoặc gửi qua bưu chính

(2) Cơ quan thuế nhận đơn, kiểm tra và phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT: bao gồm các bước thực hiện như sau (các nước Châu Âu)[[27]](#footnote-27)

- Sàng lọc và phân loại hóa đơn đủ điều kiện được hoàn thuế GTGT và trả lại những hóa đơn không đủ điều kiện để được hoàn thuế.

- Cung cấp tư vấn dựa trên tài liệu hoàn thuế mà đối tượng nộp thuế đã nộp nhằm tối đa hóa mức hoàn thuế hiện tại và tương lai cho các doanh nghiệp.

(3) Quyết định hoàn thuế

(4) Thanh toán các khoản hoàn thuế.

Có thể thấy, quy trình thực hiện hoàn thuế ở các nước đều từ bước nộp đơn xin hoàn thuế đến các bước cơ quan thuế nhận đơn, kiểm tra, quyết định hoàn thuế, đến thanh toán các khoản hoàn thuế.

Tuy nhiên, thời gian thực hiện quy trình sẽ khác nhau giữa các quốc gia: trong vòng 12 tháng đối với In-đô-nê-xi-a; từ 6 đến 8 tháng đối với các nước EU (Bỉ, Áo, Bun-ga-ry…), một số nước lại có thời gian phê duyệt và kiểm tra tình trạng thuế của doanh nghiệp từ 30 ngày đến 2 tháng kể từ khi nhận được đơn xin yêu cầu hoàn thuế (Anh, Serbia, Xin-ga-po…)[[28]](#footnote-28).

Tại In-đô-nê-xi-a, đơn yêu cầu hoàn thuế có thể được thực hiện tại hồ sơ thuế GTGT cuối năm (bao gồm tờ khai thuế, báo cáo kết quả kinh doanh, tờ khai hải quan (nếu có), tờ khai đối với các hàng hóa tư liệu sản xuất giá trị lớn, một số hợp đồng liên quan). Đối tượng nộp thuế chỉ được hoàn thuế sau khi cơ quan thuế thực hiện kiểm toán đơn hoàn thuế[[29]](#footnote-29).

***6.2. Thẩm quyền giải quyết hoàn thuế GTGT***

- **Hàn Quốc**: cơ quan thuế có thẩm quyền hoàn trả người nộp thuế số tiền thuế GTGT cho mỗi thời kỳ tính thuế. Nếu người nộp thuế thuộc một trong các trường hợp như cung cấp hàng hóa và dịch vụ được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT là 0% (hàng hóa dành cho xuất khẩu; các dịch vụ bên ngoài Hàn Quốc; dịch vụ vận tải quốc tế bằng tàu và máy bay; hàng hóa hoặc các dịch vụ khác được cung cấp nhằm mục đích thu nhập ngoại hối) hoặc doanh nghiệp mới thành lập, mua lại, mở rộng quy mô vốn hoặc mở rộng các cơ sở kinh doanh thì cơ quan thuế có thẩm quyền có thể hoàn trả số tiền thuế GTGT cho người nộp thuế trong vòng 15 ngày kể từ ngày nộp tờ khai[[30]](#footnote-30).

- **In-đô-nê-xi-a**: cơ quan thuế có quyền yêu cầu có thêm tài liệu bổ sung đối với đơn xin hoàn thuế, trên cơ sở kiểm toán thuế GTGT trong vòng 12 tháng kể từ khi nhận được một đơn xin hoàn thuế hoàn chỉnh. Nếu không có quyết định nào được đưa ra trong vòng 12 tháng thì các đơn xin hoàn thuế được coi là đã được phê duyệt. Các tài liệu liên quan đến hoàn thuế GTGT phải được gửi đến cơ quan thuế trong vòng 01 tháng kể từ ngày có quyết định yêu cầu các tài liệu bổ sung từ cơ quan thuế và bất kỳ tài liệu nào nộp sau 01 tháng sẽ bị bỏ qua trong việc tính toán hoàn thuế GTGT.

**7. Về quy định xóa nợ tiền thuế**

***7.1. Trường hợp được xóa nợ tiền thuế***

Đối tượng được xóa nợ tiền thuế ở các nước chủ yếu là các đối tượng như phá sản, người chết, mất tích,… không có khả năng để trả tiền thuế, hoặc một số trường hợp mà khi việc thanh toán nợ thuế sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc sống của bản thân người nộp thuế cũng như người phụ thuộc. Bên cạnh đó, đối với các khoản nợ thuế của các doanh nghiệp trong tiến trình cổ phần hóa hoặc sắp xếp lại doanh nghiệp cũng được xem xét để xóa nợ tiền thuế. Cụ thể:

**Serbia[[31]](#footnote-31):** Có 4 trường hợp được xóa nợ thuế:

(1) Khi có quyết định phá sản với điều kiện người nộp thuế không có tài sản để thanh toán các khoản nợ thuế hoặc tài sản có giá trị nhỏ hơn số thuế phải nộp.

(2) Có thể xóa nợ toàn bộ hay một phần nợ thuế đối với các trường hợp đang trong trong quá trình tư nhân hóa hoặc sắp xếp lại doanh nghiệp.

(3) Người chết không có tài sản thì nghĩa vụ thuế sẽ được xóa nợ.

(4) Đối với những người mất tích mà tài sản còn lại của họ không đủ để trả tiền thuế sẽ được xóa nợ một phần.

**Hungary:** Khi có đề nghị của cá nhân, cơ quan thuế có thể giảm hoặc xoá nợ thuế (trừ những khoản nợ bắt buộc) đối với các khoản phạt hoặc nợ phụ thu của cá nhân mà việc nộp phạt có thể gây nguy hại nghiêm trọng đối với cuộc sống của người nộp thuế và người thân cùng sống với đối tượng này. Trên cơ sở đó cơ quan thuế có thể xoá các khoản thuế còn nợ khi xem xét tới thu nhập, hoàn cảnh tài chính và xã hội của đối tượng này. Ngoài ra còn thực hiện việc xóa nợ thuế đối với các khoản thuế, phí trong trường hợp bất khả kháng hoặc thiên tai gây ảnh hưởng cho nhiều người.

**Croatia:** xoá nợ thuế được áp dụng cho các trường hợp:

(1) Nợ thuế không thu hồi được sau khi thực hiện các biện pháp thu hồi nợ.

(2) Đối tượng bị thu hồi nợ thuế chết mà không còn bất động sản hay động sản để thực hiện thu hồi nợ.

(3) Đối tượng nộp thuế bị phá sản, không có khả năng trả nợ thuế; việc thu hồi nợ thuế đưa đối tượng bị thu hồi nợ và gia đình họ vào tình trạng không đáp ứng nổi các nhu cầu sống cơ bản và đối tượng nộp thuế yêu cầu được xoá nợ.

**Latvia***:*xoá nợ thuế (gồm cả nợ gốc và phạt chậm nộp) trong các trường hợp sau đây:

(1) Đối với doanh nghiệp: khi thủ tục phá sản đã hoàn tất, tình trạng không trả được nợ.

(2) Đối với cá nhân: khi bị chết hoặc người thừa kế không đủ khả năng trả nợ.

(3) Khi quyết định thu hồi thuế hết hiệu lực.

**Estonia:**Các trường hợp được xóa nợ thuế:

(1) Nợ thuế của pháp nhân khi pháp nhân không còn tồn tại do phá sản hoặc đóng cửa hoặc bắt buộc giải thể mà không thanh toán nợ do không có bên thứ 3 nào chịu trách nhiệm thanh toán nợ hoặc không thể thu hồi nợ từ bên thứ 3.

(2) Nợ thuế của thể nhân khi chết.

(3) Xoá nợ thuế trong trường hợp cơ quan thuế muốn đạt được thoả hiệp trong thủ tục giải thể.

(4) Trong trường hợp không có khả năng thu hồi hoặc việc nợ thuế là do các tình huống nằm ngoài khả năng kiểm soát của người nộp thuế.

**Bulgary*:*** áp dụng việc xóa nợ thuế đối với những trường hợp bị phá sản, nếu sau khi bán tài sản mà số tiền thu được không đủ bù đắp khoản nợ thuế thì chấp nhận xoá nợ thuế đối với phần còn lại.

**Úc[[32]](#footnote-32)**: Việc xóa nợ thuế của Úc chủ yếu áp dụng cho cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đối tượng được xóa nợ thuế là những đối tượng gặp phải những hoàn cảnh nghiêm trọng “serious hardship”. Khó khăn nghiêm trọng được quy định là khi người nộp thuế không thể tự đáp ứng được nhu cầu về thức ăn, chỗ ở, quần áo, điều trị y tế và tiếp cận dịch vụ giáo dục hoặc nhu cầu cần thiết khác cho bản thân và gia đình.

***7.2. Thời hiệu xóa nợ thuế***

***7.2.1. Đối với trường hợp phá sản***

**Mỹ[[33]](#footnote-33)***:* Trong trường hợp phá sản, doanh nghiệp được xem xét xóa nợ thuế đối với thuế thu nhập liên bang nếu đáp ứng đủ các điều kiện: (i) là các khoản thuế thu nhập, trừ thuế thu nhập đối với tiền lương, các khoản tiền phạt có thể không được xóa; (ii) Doanh nghiệp không gian lận, cố ý trốn thuế; (iii) các khoản nợ kéo dài ít nhất **3 năm** trước khi nộp đơn xin phá sản; (iv) DN phải nộp tờ khai thuế cho các khoản nợ muốn xóa ít nhất là **2 năm** trước khi nộp đơn xin phá sản; (v) Đảm bảo Quy tắc 240 ngày, tức là các khoản nợ thuế thu nhập phải được Cục doanh thu nội địa (IRS) đánh giá ít nhất **240 ngày** trước khi DN nộp đơn xin phá sản.

**Anh[[34]](#footnote-34)**: Nếu công ty nợ thuế hơn 2.000 bảng và đã không trả được nợ thuế trong thời hạn thỏa thuận với Cơ quan thu và hải quan (HMRC) và HMRC không thể thu hồi bằng việc kiểm soát hàng hóa, lệnh của Tòa án… HMRC có quyền đưa công ty ra Tòa án để thực hiện phá sản. Công ty sẽ có **01 năm** để thanh toán các khoản nợ, trong đó có khoản nợ thuế. Các khoản nợ thuế được quyền “Cứu trợ đặc biệt”. Có 3 điều kiện để được xóa nợ thuế: (i) Từ chối khoản hoàn thuế nếu được hoàn; (ii) Xác nhận những nghĩa vụ thuế đã thực hiện, chứng minh rằng đây là khoản thuế lớn; (iii) Trước đây công ty chưa từng có yêu cầu giảm thuế.

Khi đối tượng nộp thuế nộp hồ sơ thông tin thông báo phá sản gửi tới Văn phòng Phá sản và Thực thi HMRC (the HMRC Enforcement and Insolvency Office – EIO) thì người nộp thuế sẽ được yêu cầu hoàn trả toàn bộ số nợ thuế trong thời hạn sớm nhất (trong vòng 14 ngày kể từ ngày thông báo tới EIO). Tuy nhiên nếu người nộp thuế không có khả năng trả nợ thuế thì việc xóa nợ thuế sẽ mất khoảng thời gian là **01 năm** để thực hiện và người nộp thuế sẽ được cơ quan có hiệu lực thi hành thông báo bắt đầu quy trình phá sản[[35]](#footnote-35).

**Canada[[36]](#footnote-36):**Trường hợp người nộp thuế còn nợ thuế thì có thể được xem xét nếu thỏa mãn điều kiện của Luật phá sản và cung cấp đầy đủ hồ sơ. Trường hợp đối tượng nợ thuế lần đầu tiên bị phá sản và nợ Cơ quan thuế số thuế TNCN lên tới hơn 200.000 đôla (bao gồm cả tiền lãi, tiền phạt chậm nộp) và số tiền này tương ứng với 75% hoặc nhiều hơn số tiền đang nợ thì đối tượng nộp thuế sẽ không đủ điều kiện đăng kí bị phá sản. Trong trường hợp này sẽ phải nộp đơn lên tòa án để xem xét các điều khoản của việc phá sản. Người nợ thuế sẽ phải nộp báo cáo hàng tháng về thu nhập và chi phí ít nhất 9 tháng.

**Hình 1: Trường hợp nợ thuế của doanh nghiệp phá sản**

Lần đầu phá sản và nợ cơ quan thuế hơn 200.000 đô la

Có thu nhập thặng dư trong suốt 9 tháng

Không có thu nhập thặng dư trong suốt 9 tháng

Có thể đăng kí tới tòa để tuyên bố phá sản sau 21 tháng

Có thể đăng kí tới tòa để tuyên bố phá sản sau 9 tháng

Lần thứ hai phá sản và nợ cơ quan thuế hơn 200.000 đôla

Có thu nhập thặng dư trong suốt 24 tháng

Không có thu nhập thặng dư trong suốt 24 tháng

Có thể đăng kí tới tòa để tuyên bố phá sản sau 36 tháng

Có thể đăng kí tới tòa tuyên bố phá sản sau 24 tháng

***7.2.2. Xóa nợ thuế đối với cá nhân chết***

**Mỹ[[37]](#footnote-37)**: Nếu cá nhân đã chết mà vẫn còn khoản nợ thuế, IRS sẽ gửi danh sách khoản nợ thuế cho người được hưởng tài sản của người đã chết. Người này phải có trách nhiệm phân phối tiền và tài sản, trong đó có khoản nợ thuế được ưu tiên hàng đầu. Nếu người chết có vợ hoặc chồng, thì vợ/chồng phải chịu trách nhiệm về khoản nợ thuế này. Trong điều kiện nhất định, có thể nộp đơn xin xóa nợ thuế. S**au thời hạn 10 năm**, kể từ ngày IRS đánh giá lại khoản thuế, khoản nợ thuế được xóa bỏ.

- Trường hợp người nộp thuế đã chết với điều kiện người nộp thuế là một nhân viên quân sự hoặc dân sự của Mỹ chết vì bị thương do kết quả của các hoạt động quân sự hoặc bị tấn công khủng bố hoặc đang phục vụ với nhiệm vụ là một phi hành gia. Thời điểm xóa nợ thuế là ngay trong năm mà đối tượng nộp thuế chết và cả các năm trước đó khi đối tượng nộp thuế bị thương[[38]](#footnote-38)

Ví dụ: Đối với nghĩa vụ thuế TNCN của một công dân Mỹ. Người này bị thương trong cuộc tấn công khủng bố năm 2009 khi đang là một nhân viên nhưng đến năm 2015 người này đã chết vì vết thương trong năm 2009. Như vậy, đối tượng này sẽ được xóa nợ thuế vào năm 2015 và cho tất cả các năm trước đó trong giai đoạn 2008 đến 2014. Việc hoàn lại tiền cho đối tượng này được thực hiện ở bất kì thời điểm nào sau khi đối tượng này chết.

**Canada[[39]](#footnote-39):**Xóa nợ thuế áp dụng đối với người nộp thuế đã chết. Theo quy định, sau **01 năm**, các quyền lợi mà người nộp thuế trước khi chết chưa được thanh toán bao gồm: cổ tức, tiền lương, quyền lợi bảo hiểm thất nghiệp, kế hoạch chi trả lương hưu, tiền hoa hồng cho kỳ lương kết thúc trước khi người nộp thuế chết sẽ được hoàn lại cho đại diện hợp pháp hưởng lợi trực tiếp; **hoặc sau 90 ngày** kể từ ngày Cơ quan thu của Canada (Canada Revenue Agency) gửi thông báo điện tử đánh giá về số hoàn

***7.2.3. Xóa nợ thuế đối với các trường hợp khác***

**Ma-lay-xi-a:**Giảm nợ thuế GTGT xấu[[40]](#footnote-40): Người nộp thuế (hoặc nay không còn là người nộp thuế) có thể đề nghị với Tổng cục thuế để giảm nợ thuế đối với khoản nợ xấu (trên toàn bộ hoặc một phần) nếu: người này không nhận được bất kỳ thanh toán nào hoặc một phần của khoản thanh toán từ việc cung cấp dịch vụ bị chịu thuế kể từ ngày nợ thuế; hoặc người này đã vỡ nợ trước thời hạn 6 tháng kể từ ngày nợ thuế.

**Nhật Bản**: Một số trường hợp bị cơ quan thuế thực hiện biện pháp cưỡng chế thuế bằng cách tịch thu tài sản nhưng đối tượng đó lại không có tài sản và khi việc thanh toán nợ thuế sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc sống của đối tượng đó thì cơ quan thuế có thể tạm ngừng thủ tục thu thuế quá hạn. Nếu lệnh tạm ngừng kéo dài trong 03 năm thì nghĩa vụ nộp thuế của đối tượng bị cưỡng chế được xóa bỏ.

**Pháp[[41]](#footnote-41):**Thời hiệu thu hồi nợ thuế thông thường được áp dụng là 4 năm, tuy nhiên tùy vào từng trường hợp cụ thể mà có thể tăng lên, thêm 10% (đối với trường hợp chậm trả thuế) hoặc tăng gấp đôi là 8 năm (nếu bị phạt) và có những thời hiệu đặc biệt liên quan đến bất động sản thì kỳ hạn là 30 năm.

**Vùng Quebec Canada[[42]](#footnote-42)**: Thời hiệu của việc thu hồi nợ thuế của vùng này được cố định **trong 10 năm** (quy định tại khoản 27.3 Luật quản lý thuế của Vùng Quebec).

**Nam Phi[[43]](#footnote-43):** Cơ quan dịch vụ thu thuế Nam Phi (SARS) có trách nhiệm thông báo cho các đối tượng nợ thuế bằng văn bản về số nợ thuế được xóa. Nợ thuế không thu hồi theo pháp luật được quy định tại các điều 197, 198, phần C, chương 14, luật quản lý thuế 2011 của Nam Phi. Theo đó, người nộp thuế được xóa nợ thuế vĩnh viễn nếu thuộc các trường hợp: Nợ không thể phục hồi theo phán quyết của tòa án; Nợ là nợ của “bên nợ” mà sau khi thanh lý hoặc tịch thu tài sản đã không còn tài sản để thanh toán nợ; Nợ của “bên nợ” là đối tượng thuộc kế hoạch giải cứu kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp Nam Phi.

***7.3. Thẩm quyền về xóa nợ tiền thuế, tiền phạt***

Thẩm quyền ban hành xóa nợ thuế của các nước có sự khác nhau, ở một số nước việc ban hành quyết định xóa nợ thuế thuộc thẩm quyền của Chính phủ trên cơ sở đề xuất của Bộ Tài chính như Serbia, một số nước do Bộ Tài chính quyết định như Croatia, In-đô-nê-xi-a, Latvia,… tuy nhiên cũng có một số nước phân cấp theo giá trị của khoản nợ thuế được xóa như Hungary, Úc. Cụ thể tại một số nước như sau:

**Serbia[[44]](#footnote-44):** Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chính phủ xem xét ra quyết định xoá nợ.

**In-đô-nê-xi-a:** Các trường hợp được xoá nợ thuế và thủ tục xoá nợ thuế do Bộ Tài chính quy định.

**Croatia*:*** Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế sẽ ban hành các quy định về việc xoá nợ thuế dựa trên các giải trình của đối tượng nộp thuế và đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế địa phương đối với khoản nợ thuế không thu hồi được sau khi thực hiện các biện pháp thu hồi nợ như đối tượng bị thu hồi nợ thuế bị chết mà không còn bất động sản hay động sản để thực hiện thu hồi nợ; đối tượng nộp thuế bị phá sản, không có khả năng trả nợ thuế hay việc thu hồi nợ thuế sẽ đưa đối tượng bị thu hồi nợ và gia đình họ vào tình trạng không đáp ứng nổi các nhu cầu sống cơ bản, đối tượng nộp thuế yêu cầu được xoá nợ.

**Hungary:** Cơ quan thuế ra quyết định hủy bỏ số thuế còn nợ của đối tượng nợ thuế nếu việc cưỡng chế thuế không có kết quả hoặc hết thời hiệu hoặc khoản nợ thuế nhỏ, dưới 1.000 fô-rint (tương đương 5 triệu đồng).

**8. Quy định về khiếu nại, tố cáo**

Nghiên cứu kinh nghiệm các nước cho thấy, phần lớn việc khiếu nại của người nộp thuế là khiếu nại quyết định hành chính của cơ quan thuế, có quốc gia theo quy định hiện hành, người nộp thuế có quyền khiếu nại, tố cáo hành vi hành chính của cơ quan thuế (Hàn Quốc[[45]](#footnote-45)) và cơ quan chịu trách nhiệm trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo là cơ quan thuế. Thời hạn tối thiểu cho việc xem xét, đánh giá lại các quyết định hành chính mà người nộp thuế khiếu nại và thời hạn tối thiểu cho việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo của cơ quan thuế rất khác nhau ở mỗi quốc gia, tuy nhiên nhìn chung thời hạn 30 – 60 ngày được áp dụng phổ biến và thường xuyên nhất (bảng 2).

**Bảng 2: Quy định về thời hạn xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Thời gian tối thiểu cho việc xem xét, đánh giá lại** | **Thời gian tối thiểu cho việc giải quyết khiếu nại, tố cáo** |
| Úc | 10 ngày[[46]](#footnote-46) | 60 ngày |
| Ý | 60 ngày | 90 ngày |
| Argentina | 15 ngày | 60 ngày |
| Croatia | 30 ngày | 2 tháng |
| Căm-pu-chia | 30 ngày | 60 ngày |
| Trung Quốc | 60 ngày | 60 ngày |
| Ấn Độ | 30 ngày | 01 năm |
| In-đô-nê-xi-a | 3 tháng | 12 tháng |
| Nhật | 2 tháng | … |
| Hàn Quốc | 90 ngày | 90 ngày |
| Romania | 30 ngày | 45 ngày |
| Kyrgyz | 30 ngày | 30 ngày |
| Nam Phi | 30 ngày | 90 ngày |
| Ma-lay-xi-a | 30 ngày | 12 tháng |
| Niu-di-lân | 2 tháng | không |
| Phi-líp-pin | 15/30 ngày[[47]](#footnote-47) | 15/180 ngày[[48]](#footnote-48) |
| Tajikistan | 30 ngày | 30 ngày |
| Xing-ga-po | 30 ngày | 6 tháng |
| Thái Lan | 30 ngày | 90 ngày |

*Nguồn: Báo cáo của ADB và quản lý thuế (OECD,2015)*

**9. Quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử**

Sự phát triển của công nghệ thông tin đã kéo theo sự phát triển nhanh chóng của các hình thức thương mại điện tử (TMĐT). Về cơ bản, thương mại điện tử là mô hình kinh doanh mới, theo đó các hoạt động kinh doanh liên quan đến các giao dịch điện tử, trưng bày sản phẩm, đàm phán, quảng cáo, bán hàng được thực hiện qua Internet[[49]](#footnote-49) (mô hình TMĐT điển hình là Amazon.com và eBay.com....)[[50]](#footnote-50). Các giao dịch TMĐT có thể được thực hiện giữa doanh nghiệp (DN) với DN; giữa DN với các cá nhân; giữa các cá nhân với nhau hoặc giữa DN với Chính phủ và giữa Chính phủ với các cá nhân. Tuy nhiên, bản chất của TMĐT là không có trụ sở giao dịch, không thực hiện giao dịch trên giấy và một số hàng hóa thực hiện trao đổi trong giao dịch là các hàng hóa vô hình (như các sản phẩm số), nên các giao dịch trong TMĐT là rất khó kiểm soát, các hành vi trốn thuế xảy ra thường xuyên và phổ biến hơn gây khó khăn cho công tác quản lý thuế[[51]](#footnote-51). Vì vậy, các quốc gia đưa ra các quy định chặt chẽ nhằm hướng tới quản lý thuế có hiệu quả hơn đối với hoạt động TMĐT, bao gồm phân loại các giao dịch TMĐT, quy định về đăng ký thuế, quy định về nghĩa vụ của các đối tượng tham gia giao dịch TMĐT...(Phi-líp-pin, Thái Lan...). Cụ thể:

[1] **Phi-líp-pin[[52]](#footnote-52):**

Vào ngày 5 tháng 8 năm 2013, Cục Nguồn thu nội địa (the Bureau of Internal Revenue) đã ban hành Thông tư số 55-2013 quy định nhiệm vụ của người nộp thuế có hoạt động kinh doanh giao dịch điện tử. Theo đó:

*Đối tượng áp dụng trong Thông tư là:*

*-* Đối với hoạt động mua sắm hoặc bán lẻ trực tuyến: Các tổ chức, cá nhân kinh doanh TMĐT sở hữu một trang web và bán sản phẩm và dịch vụ riêng của họ. Cửa hàng trực tuyến, cửa hàng điện tử có tính chất tương đồng nhau trong việc mua và bán hàng hóa và dịch vụ.

*-* Đối vớidịch vụ trung gian trực tuyến: Bên thứ ba cung cấp dịch vụ trung gian giữa hai bên kinh doanh và nhận hoa hồng từ hoạt động đó. Trong trường hợp này mối quan hệ giữa bên bán và bên cung cấp dịch vụ trung gian tương tự như mối quan hệ giữa đại lý và tổ chức kinh doanh theo thỏa thuận riêng của họ.

Tuy nhiên một số trường hợp nhà cung cấp dịch vụ trung gian sẽ được coi là nhà bán lẻ: *(i)* Khi người tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ từ một nhà cung cấp trung gian và nhà cung cấp này kiểm soát việc thanh toán của người mua, sau đó nhận hoa hồng từ nhà bán lẻ; *(ii)* Khi nhà cung cấp dịch vụ trung gian đưa ra nhiều sản phẩm của riêng mình thì được coi là nhà bán lẻ hoặc người bán các sản phẩm đó.

*Các giao dịch TMĐT được quy định phân loại như sau*: (i) giao dịch giữa doanh nghiệp và cá nhân (B2C) bao gồm cửa hàng bán hàng hóa và dịch vụ qua mạng cho người tiêu dùng cuối cùng; (ii) giao dịch giữa cá nhân với cá nhân (C2C); (iii) giao dịch giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp (B2B) bao gồm việc tuyển dụng người lao động, quảng cáo trực tuyến, tín dụng, bán hàng, nghiên cứu thị trường, hỗ trợ kỹ thuật, mua sắm và các loại hình đào tạo khác nhau…

*Nghĩa vụ của các đối tượng (DN, CN) thực hiện kinh doanh thông qua giao dịch điện tử được quy định như sau*[[53]](#footnote-53):

(i) Đăng ký kinh doanh tại Cơ quan thu của huyện (Revenue District Office - RDO) về địa điểm kinh doanh/trụ sở chính (hoặc nơi ở của cá nhân) bằng cách hoàn thành mẫu BIR 901 (cho cá nhân) hoặc 1903 (đối với doanh nghiệp, tập đoàn hoặc các đối tác) và thanh toán phí đăng ký kinh doanh thông qua ngân hàng được RDO ủy quyền thu. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh BIR do RDO cấp phản ánh các nghĩa vụ thuế mà người nộp thuế phải nộp.

(ii) Đảm bảo cơ quan in ấn có thể in hóa đơn/biên lai thu và đăng ký sổ sách kế toán để sử dụng trong kinh doanh, có thể là: (i) sổ tay kế toán, sổ tay hóa đơn/biên lai thu, sổ sách kế toán hoặc các loại giấy tờ liên quan khác; (ii) sử dụng hệ thống kế toán máy tính (CAS) hoặc hệ thống lập hóa đơn điện tử

(iii) Phát hành hóa đơn hoặc biên lai đã đăng ký bằng cách thức thủ công hoặc bằng điện tử cho những lần giao dịch và hóa đơn/biên lai phải có đầy đủ thông tin theo yêu cầu của cơ quan thu và phải được lập ít nhất là 02 bản (bản gốc cung cấp cho người mua và bản sao được người bán giữ lại trong sổ sách kế toán)

(iv) Tổ chức, cá nhân kinh doanh TMĐT được yêu cầu phát hành hóa đơn hoặc biên lai chính thức cho khách hàng và các khoản hoa hồng được khấu trừ tại nguồn và thực hiện khấu trừ thuế tại nguồn đối với việc trả lương cho nhân viên hoặc các khấu trừ khác. Người nộp thuế phải chuyển số thuế được khấu trừ này cho cơ quan thuế theo quy định và phát hành giấy Chứng nhận khấu trừ thuế (nếu cần thiết) đối với người lao động.

(v) Nộp tờ khai thuế trước ngày đến hạn[[54]](#footnote-54), nộp thuế trên doanh thu và nộp các bản khai thuế và các báo cáo khác như Tóm tắt danh sách bán hàng/mua hàng, danh sách người thanh toán hàng năm…theo quy định hiện hành

(vi) Giữ sổ sách kế toán và các hồ sơ kinh doanh trong thời hạn quy định và nhân viên thu thuế kiểm tra và xác minh bất kỳ lúc nào nhằm đảm bảo tính tuân thủ các quy tắc và luật thuế.

*Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh trong việc phát hành hóa đơn và trách nhiệm của khách hàng trong việc nhận hóa đơn và biên lai thu chính thức từ người bán và nhà cung cấp dịch vụ được thực hiện theo các luật thuế hiện hành[[55]](#footnote-55) (Phụ lục 6 và phụ lục 7)*

[2] **Thái Lan[[56]](#footnote-56)**

Theo quy định của Thái Lan, thương mại điện tử được định nghĩa là gửi và/ hoặc nhận thông tin dữ liệu bằng điện tử để hoàn thành một giao dịch thương mại. Hình thức TMĐT phổ biến nhất là trao đổi hàng hóa, dịch vụ trực tuyến, gồm doanh nghiệp với doanh nghiệp (B2B), doanh nghiệp với khách hàng (B2C) và doanh nghiệp với chính phủ (B2G).

**Các yêu cầu pháp lý:**

**-** Các doanh nghiệp phải đăng ký hoạt động kinh doanh TMĐT thông qua hệ thống Internet

- Chứng nhận kinh doanh TMĐT đặc biệt được áp dụng trong vòng 30 ngày kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh. Trang web đủ điều kiện cho hoạt động thương mại điện tử phải đầy đủ thông tin về giá và thủ tục thanh toán.

Bất kỳ tổ chức nào xử lý thanh toán bằng thẻ tín dụng trên trang phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bảo mật. Hiện nay, NHTW Thái Lan đang thực thi các biện pháp kiểm soát chặt chẽ hơn đối với đối tượng kinh doanh TMĐT để bảo đảm sự tuân thủ của họ.

- Theo Luật bán hàng trực tiếp và Marketing trực tiếp, một số dự án TMĐT cụ thể phải đăng kí với Cơ quan bảo vệ người tiêu dùng như hình thức bán hàng trực tiếp.

- Để thực hiện giao dịch TMĐT cho khách hàng ở Thái Lan yêu cầu các thỏa thuận dân sự và thương mại phải tuân thủ các quy định của Luật giao dịch điện tử, Luật bảo vệ người tiêu dùng, luật dân sự và luật thương mại.

- Hoạt động kinh doanh TMĐT ở Thái Lan với cổ đông nước ngoài cần được cấp Chứng nhận hoạt động kinh doanh nước ngoài. Ngoại trừ trường hợp kinh doanh bán lẻ hoặc bán buôn được thực hiện với một công ty có số vốn đăng kí từ 100 triệu THB trở lên. Nếu doanh nghiệp thực hiện kinh doanh bán lẻ hoặc bán buôn thì vốn yêu cầu là 200 triệu THB.

**Quy định về lập hóa đơn và đánh thuế điện tử**

Hàng hóa và dịch vụ chịu thuế GTGT ở mức 7%. Theo hệ thống thuế của Thái Lan, những người kinh doanh TMĐT phải thu thuế GTGT và phát hành hóa đơn thuế cho khách hàng. Đối với hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu có mức thuế suất 0%. Mặc dù vậy, do có nhiều yêu cầu như các giấy tờ hải quan cần thiết và yêu cầu pháp lý nên thực tế khó được áp dụng mức thuế suất 0% này.

Hàng hóa và dịch vụ của một doanh nghiệp TMĐT ở nước ngoài cũng sẽ chịu thuế GTGT nếu hàng hóa đó được vận chuyển đến Thái Lan. Tuy nhiên, nếu doanh nghiệp nước ngoài đó không đăng kí thuế GTGT ở Thái Lan, người mua sẽ tự chịu trách nhiệm trả thuế GTGT.

[3] **Châu Âu[[57]](#footnote-57)**

Ngày 1/12/2016, Ủy ban châu Âu đã công bố đề xuất các biện pháp để cải thiện môi trường GTGT cho thương mại điện tử và kinh doanh trực tuyến ở châu Âu, tạo thuận lợi cho người tiêu dùng, các công ty, đặc biệt là doanh nghiệp khởi nghiệp, SMEs trong việc mua bán hàng hóa dịch vụ trực tuyến.

**Đề xuất bao gồm:**

* Quy định GTGT mới cho việc mua bán hàng hóa dịch vụ trực tuyến: hiện nay, người bán hàng trực tuyến phải đăng kí GTGT ở tất cả các nước thành viên để bán hàng hóa. Rào cản lớn nhất đối với TMĐT qua biên giới đối với các nghĩa vụ GTGT làm tăng chi phí của các DN lên tới 8.000 euro cho mỗi nước họ áp dụng bán hàng. Do đó, theo quy định mới được đề xuất, các doanh nghiệp áp dụng một kê khai cho tất cả các nước khu vực Châu Âu (VAT one stop shop).
* Đơn giản hóa quy tắc GTGT cho các doanh nghiệp siêu nhỏ và khởi nghiệp: các doanh nghiệp nhỏ được hưởng thuận lợi từ việc áp dụng cùng quy tắc thuế GTGT như áp dụng ở nước họ, cụ thể là các yêu cầu về hóa đơn và hạch toán.
* Gian lận thuế GTGT: mỗi lô hàng hóa được nhập khẩu vào EU có giá trị thấp hơn 22 euro hiện được miễn thuế GTGT. Do đó, với 150 triệu lô hàng nhập mỗi năm được miễn phí thuế GTGT, hệ thống này sẽ tạo cơ hội cho gian lận và lạm dụng. Thứ nhất, các doanh nghiệp EU sẽ bất lợi trước đối thủ cạnh tranh ngoài EU vì họ có trách nhiệm áp dụng thuế GTGT từ mức tiền đầu tiên. Thứ hai, những hàng hóa có giá trị cao như điện thoại và các thiết bị thông minh bị đánh giá thấp hoặc sai mô tả trong giấy tờ nhập khẩu để được hưởng miễn thuế GTGT. Do đó, ủy ban Châu Âu sẽ hủy việc áp dụng mức miễn này.
* Áp dụng quy tắc thuế như nhau đối với sách điện tử, báo điện tử và các sản phẩm in ấn. Hiện nay, quy định hiện tại cho phép các nước thành viên đánh thuế các sản phẩm xuất bản như sách, báo ở mức thấp, và một số trường hợp tới mức 0%. Quy tắc tương tự sẽ được áp dụng cho các xuất bản điện tử như sách và báo điện tử, điều này có nghĩa các sản phẩm này được áp dụng ở mức thuế suất tiêu chuẩn. Sau khi các thành viên thông qua, sẽ xây dựng mức thuế suất phù hợp đối với xuất bản điện từ

**Phụ lục 1: Quy trình chung về quản lý thuế**

Phổ cập kiến thức cho người nộp thuế

Dịch vụ cho người nộp thuế

Khai thuế và nộp thuế

Hoạt động ghi lại việc đăng ký và số lượng người nộp thuế

Tất cả các hoạt động liên quan đến việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thông tin cho người nộp thuế về thuế và nghĩa vụ và trách nhiệm tuân thủ các Luật thuế

Bao gồm các hoạt động liên quan đến việc cung cấp thông tin cho người nộp thuế qua hình thức trực tiếp, bằng điện thoại, qua điện tử hoặc bằng văn bản và xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế khi có đề nghị theo quy định của pháp luật

Các hoạt động liên quan đến việc xử lý khai thuế và nộp thuế của người nộp thuế

Quy trình quản lý thuế được thiết kế và thực hiện nhằm khuyến khích và giúp người nộp thuế tự giác tuân thủ các luật thuế

Người nộp thuế đăng ký thuế

Thực hiện kiểm tra hồ sơ khai thuế và thu nợ thuế

Truy tố người nộp thuế

Chức năng hỗ trợ

Hoạt động bảo đảm người nộp thuế nộp tờ khai thuế và thanh toán các khoản nợ thuế, nếu có dấu hiệu gian lận (có thể xử lý bằng cách cưỡng chế thanh toán, trích từ tài khoản ngân hàng, tịch thu tài sản...)

Các hoạt động khởi kiện người nộp thuế khi có các vi phạm trốn thuế, gian lận thuế

Các hoạt động hỗ trợ thực hiện tất cả các quy trình trên ( ví dụ như quản lý nguồn nhân lực, tài chính, công nghệ thông tin, kế hoạch, kiểm toán nội bộ...)

Xác minh, kiểm tra

Giải quyết tranh chấp

Bao gồm hoạt động xác nhận các hồ sơ thuế: kiểm tra hồ sơ khai thuế, kiểm tra hồ sơ của doanh nghiệp và điều tra chuyên sâu...

Hoạt động liên quan đến việc giải quyết các phản hồi của người nộp thuế và các khiếu nại liên quan đến những đánh giá và quyết định về thuế của cơ quan thuế

Những hoạt động thực hiện ghi lại nghĩa vụ thuế của người nộp thuế và phát hiện, giải quyết những trường hợp không tuân thủ thuế

*Nguồn: ADB (2016)[[58]](#footnote-58)*

**Phụ lục 2: Quy định về thời hạn nộp tờ khai thuế và nộp thuế của một số nước**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Hạn nộp tờ khai thuế (TKT)** | **Hạn nộp thuế** |
| **Phi-líp-pin[[59]](#footnote-59)** | *(1)* DN nộp TKT thu nhập theo quý đối với 3 quý đầu.  DN nộp TKT tóm tắt tổng thu nhập và các khoản được khấu trừ tính đến thời điểm nộp và nộp TKT cuối cùng hàng năm trước hoặc vào **ngày thứ 15 của tháng thứ tư** sau khi kết thúc năm tính thuế.  *(2)* CN nộp tờ khai trước hoặc vào **ngày 15/4** của năm tính thuế tiếp theo. | *(1)* DN nộp thuế **trong vòng 60 ngày sau mỗi quý**.  *(2)* Trường hợp CN tự tính thuế thì nộp thuế vào thời điểm hồ sơ khai thuế hàng năm được hoàn thành. |
| **Thái Lan[[60]](#footnote-60)** | *(1)* DN tự tính thuế nên nộp TKT đồng thời nộp thuế vào ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế.  DN khai thuế TNDN hàng năm **trong vòng 150 ngày** kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.  *(2)* CN nộp TKT chậm nhất là **ngày 31/3** của năm tính thuế tiếp theo.  CN tham gia hoạt động kinh doanh phải nộp TKT **trong 06 tháng đầu tiên của năm vào ngày 30/9**. | *(1)* DN nộp thuế TNDN **02 lần/năm và trong vòng 150 ngày** kể từ ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế.  Trường hợp CN tự tính thuế thì nộp thuế vào thời điểm hồ sơ khai thuế hàng năm được hoàn thành.  *(2)* CN tham gia hoạt động kinh doanh phải nộp thuế **trong 06 tháng đầu tiên của năm vào ngày 30/9**. |
| **Nhật Bản[[61]](#footnote-61)** | *(1)* DN nộp TKT cuối cùng trong vòng **02 tháng** kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp DN không thể kê khai thuế do nhiều nguyên nhân bất khả kháng thì ngày đến hạn cuối cùng nộp hồ sơ được gia hạn thêm là trong vòng 01 tháng nếu có sự chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.  *Hiện nay Nhật Bản đang xem xét sửa đổi gia hạn thời điểm nộp hồ sơ khai thuế TNDN lần cuối cùng (không áp dụng gia hạn đối với hồ sơ khai thuế tiêu dùng), theo đó ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế do thủ trưởng cơ quan thuế địa phương ấn định nhưng không quá 04 tháng[[62]](#footnote-62).*  *(2)* CN nộp tờ khai thuế vào **ngày 15/3** của năm tiếp theo. | *(1)* DN nộp thuế cùng thời điểm nộp tờ khai thuế cuối cùng (02 tháng sau khi kết thúc kỳ kế toán).  Nếu được gia hạn nộp hồ sơ, thì DN nộp thuế trước hoặc vào ngày đến hạn khai thuế với lãi suất là 1,8%/năm (áp dụng cho năm 2016) tính từ hạn ban đầu nộp hồ sơ (tức trong vòng 02 tháng sau khi kết thúc kỳ kế toán) đến ngày thực hiện thanh toán thuế.  DN có kỳ kế toán dài hơn 06 tháng phải nộp các khoản thuế tạm tính[[63]](#footnote-63) trong vòng **02 tháng** ngay sau khi kết thúc tháng thứ sáu của kỳ kế toán.  *(2)* CN được yêu cầu nộp khoản thuế tạm tính vào **tháng 7 và tháng 11** nếu khoản thuế cuối cùng nộp cho năm trước (sau khi đã khấu trừ tại nguồn) là 150.000 JPY trở lên. |
| **Hàn Quốc[[64]](#footnote-64)** | DN nộp TKT tạm tính với số thuế nộp tạm tính hợp lý cho 06 tháng đầu của năm tài chính và việc nộp TKT /nộp thuế phải được thực hiện trong vòng **02 tháng** sau khi kết thúc giai đoạn 06 tháng tạm tính.  DN nộp TKT hàng năm với số nộp thuế cho cả năm tài chính và việc khai/nộp thuế phải được thực hiện trong vòng **03 tháng** kể từ ngày kết thúc năm tài chính.  Trường hợp kiểm toán độc lập chưa hoàn thành và báo cáo tài chính chưa phải là bản cuối cùng, DN có thể yêu cầu **gia hạn nộp TKT là 01 tháng** với mức lãi suất là 1,8%/năm. | (1) DN phải nộp thuế trong vòng **01 tháng** kể từ ngày hết hạn nộp tờ khai thuế (**02 tháng đối với DNNVV**).  Chủ DN được yêu cầu khấu trừ thuế thu nhập tại nguồn hàng tháng, hoàn thành nghĩa vụ thuế của người lao động và nộp biên lai quyết toán thuế cho cơ quan thuế **chậm nhất vào ngày 10/3** của năm tiếp theo.  (2) Cá nhân nộp TKT và nộp thuế trong khoảng thời gian **từ 1/5 đến 31/5** của năm tiếp theo. |
| **Ma-lay-xi-a[[65]](#footnote-65)** | (1) DN phải nộp TKT thu nhập trong vòng **07 tháng** kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán của DN.  (2) CN nộp TKT **trước ngày 30/4** (đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công) và **trước ngày 30/6** (đối với thu nhập từ kinh doanh) cho năm dương lịch tiếp theo. | (1) DN nộp thuế vào ngày cuối cùng của 07 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán của DN.  DN được yêu cầu phải nộp số thuế tạm tính cho 01 năm và không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu năm tài chính.  (2) Đối với trường hợp CN tự tính thuế thì CN nộp thuế trước ngày 30/4 (đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công) và trước ngày 30/6 (đối với thu nhập từ kinh doanh) cho năm dương lịch tiếp theo. |
| **Xing-ga-po[[66]](#footnote-66)** | (1) DN nộp TKT **trước 30/11** của năm tính thuế.  **Các DN nộp TKT điện tử được gia hạn ngày nộp là 15/12[[67]](#footnote-67).**  (2) CN[[68]](#footnote-68) nộp hồ sơ khai thuế trước hoặc vào ngày 15/4, nếu nộp hồ sơ khai thuế điện tử thì trước hoặc vào ngày 18/4. | (1) DN nộp số thuế tạm tính trong vòng 03 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.  DN thực hiện nộp thuế trong vòng 01 tháng sau khi có thông báo của cơ quan thuế.  (2) CN nộp thuế trong vòng 01 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan thuế |

*Nguồn: EY (2017)*

| **Phụ lục 3: Phạt và tính lãi đối với các trường hợp không tuân thủ** | | | |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nước** | **Các hành vi vi phạm** | | |
| **Không nộp tờ khai đúng hạn** | **Không nộp thuế đúng hạn** | **Không báo cáo chính xác**  **nghĩa vụ thuế phải nộp** |
| **Úc** | Nộp chậm 28 ngày sẽ phải chịu 1 đơn vị phạt, mỗi đơn vị phạt tương đương 110 đô Úc. Mức phạt sẽ tăng lên 2 và 5 đơn vị tương ứng với các ĐTNT trung bình và lớn | Mức tiền lãi chung phải nộp - được tính bằng lợi nhuận trung bình hàng tháng theo lãi suất chứng từ có giá được ngân hàng chấp nhận kỳ hạn 90 ngày cộng thêm 7% (tính theo ngày ) | Mức phạt từ 25% số thuế phải nộp (trong trường hợp không thực hiện sự giám sát hợp lý) cho tới 50-75% (nếu thiếu cẩn thận hoặc cố tình vi phạm) |
| **Áo** | Mức phạt lên đến 10% nghĩa vụ thuế phải nộp | Nộp khoản phụ thu bằng 2%, ngoài ra nộp thêm 1% nếu nộp chậm sau 3 tháng và thêm 1% nếu tiếp tục nộp chậm sau 6 tháng | Mức phạt gấp 2 lần số thuế gian lận |
| **Bỉ** |  | Nộp tiền lãi 7%/năm (với mức phạt tối thiểu là 5 đơn vị tiền tệ |  |
| **Canada** | 5% số thuế chưa nộp, cộng thêm 1% cho mỗi tháng nộp chậm | Tiền lãi tính theo lợi nhuận trung bình của Biên lai Kho bạc Chính phủ 90 ngày | Mức phạt có thể tăng lên 50% tuỳ theo mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm |
| **Đan Mạch** | Phạt 200 đơn vị tiền tệ Đan Mạch cho mỗi ngày nộp chậm, mức cao nhất là 5.000 đơn vị tiền tệ | Tiền lãi tính theo mức 6% /tháng | Đối với hành vi trốn thuế nghiêm trọng, mức phạt có thể lên đến 100-200% số thuế đã trốn, và thậm chí có thể phải chịu án tù 4 năm |
| **Phần Lan** | Mức phạt lên tới 300 đơn vị tiền tệ | Tiền phụ phí phạt quy định là 9,5% cho năm 2004 | Đối với các lỗi không cố ý, mức phạt từ 150 -300 đơn vị tiền tệ, đối với các lỗi do thiếu cẩn thận hoặc cố ý, mức phạt là 5-20% thu nhập bổ sung với mức tối thiểu là 800 đơn vị tiền tệ, theo Luật hình sự, mức phạt cho hành vi gian lận thuế có thể phải ngồi tù tới 2 năm |
| **Pháp** | Mức phạt bằng 10% số thuế phải nộp, cộng thêm tiền lãi do nộp chậm với mức 0,75%/tháng. Mức phạt có thể tăng nếu vẫn tiếp tục vi phạm | Tiền phạt bằng 10% nghĩa vụ thuế phải nộp cộng thêm tiền lãi do nộp chậm với mức 0,75%/tháng | Đối với các lỗi không cố ý, mức phạt là 0,75%/tháng, đối với các trường hợp khác, mức phạt từ 10-80% số thuế đã trố. Đối với các hành vi gian lận thuế mang tính hình sự, mức phạt có thể lên đến 37.500 đơn vị tiền tệ và có thể chịu án tù 5 năm, và chịu mức phạt cao hơn nếu tiếp tục vi phạm. Toà án có quyền tịch thu bằng lái xe hoặc tước quyền hoạt động kinh doanh trong 3 năm |
| **Đức** | Mức phạt bằng 10% số thuế phải nộp | Tiền phạt tính theo mức 1%/tháng |  |
| **Hy Lạp** | Lãi bằng 1,5% /tháng tính trên số thuế phải nộp (có thể lên tới 300% số thuế phải nộp). Nếu nghĩa vụ thuế bằng không, phạt lên đến 888 đơn vị tiền tệ | Tiền lãi tính theo mức 1,5% trên nghĩa vụ thuế/tháng (có thể lên tới 300% số thuế phải nộp) | Mức phạt có thể tính bằng 3-5%/tháng, thậm chí có thể lên đến 300%. Đối với các hành vi gian lận về thuế với giá trị trên 30.000 đơn vị tiền tệ, có thể phải chịu án tù 1 năm |
| **Hungary** | Mức phạt là 200.000 đơn vị tiền tệ | Tiền lãi tính bằng hai lần tỷ suất công bố của Ngân hàng quốc gia | Mức phạt bằng 50% số thuế đã trốn cộng thêm tiền lãi do phạt nộp chậm (tính đến 3 năm) |
| **Aixơlen** | Mức phạt hành chính bằng 25% số thuế phải nộp | Phải nộp lãi phạt | Mức phạt tính đến 10% cộng thêm tiền lãi do nộp chậm |
| **Ai - len** | Phụ phí phạt bằng 5% số thuế phải nộp (tối đa là 12.695 đơn vị tiền tệ) nếu nộp tờ khai thuế không chậm quá 2 tháng hoặc bằng 10% (tối đa là 63.458 đơn vị tiền tệ) nếu nộp tờ khai thuế chậm trên 2 tháng) | Tiền lãi tính theo mức 0,0322%/ngày | Đối với hành vi gian lận thuế, mức phạt tính đến 200% số thuế đã trốn. Đối với trường vi phạm do cẩu thả, mức phạt tính đến 10% số thuế đã trốn. |
| **Italia** |  | Tiền lãi tính bằng 5%/năm; mức phạt có thể lên đến 30% nghĩa vụ thuế phải nộp | Mức phạt có thể tính đến 240% tuỳ theo mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm. Đối với hành vi vi phạm hình sự, có thể chịu án tù từ 6 tháng - 6 năm |
| **Nhật Bản** | Mức phạt bằng 5% đối với trường hợp tự giác tuân thủ nộp tờ khai; và 15% đối với trường hợp chỉ nộp tờ khai sau khi đã có thanh kiểm tra.  Trong khuôn khổ cải cách thuế năm 2016, đối với trường hợp không nộp hồ sơ khai thuế, mức phạt tăng lên là 15% (trước đó là 5%); đối với trường hợp tự giác nộp hồ sơ khi nhận được thông báo kiểm toán thuế, mức phạt tăng lên là 10% (trước đó là 5%). Chính sách trên áp dụng cho ngày nộp hồ sơ vào hoặc sau ngày 01/01/2017[[69]](#footnote-69). | Trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày tiếp ngay sau ngày đến hạn phải nộp thuế, ĐTNT phải nộp 7,3%/năm hoặc chịu tỷ suất chiết khấu chính thức của ngày 30/11 của năm trước đó cộng thêm 4%, bất kể số đó có thể thấp hơn. Sau 2 tháng kể từ ngày tiếp ngay sau ngày đến hạn phải nộp thuế, ĐTNT phải nộp phạt theo mức 14,6%/năm  Đối với thuế TNDN, nếu DN khai muộn thuế, phải chịu phạt nộp chậm áp đặt ở mức 15-20% số dư thuế phải trả khi đến hạn. Trong trường hợp công ty tự nguyện nộp tờ khai thuế sau ngày hết hạn sẽ được giảm mức phạt xuống 5%.  Ngoài ra, DN phải chịu mức lãi nộp chậm ở mức 2,8%/ năm trong 2 tháng đầu năm và tăng lên 9,1%/ năm cho năm sau (cho năm 2015 và 2016)**[[70]](#footnote-70)**.  Mức phạt áp đặt đối với số tiền thuế phải nộp bổ sung của doanh nghiệp là 10% – 15%. Trong trường hợp doanh nghiệp nộp tờ khai thuế và tự giác thực hiện nghĩa vụ thuế sau ngày hết hạn nộp hồ sơ khai thuế thì không áp dụng mức phạt trên. | Phạt vi phạm hành chính từ 10-40% tuỳ theo mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm |
| **Hàn Quốc** | Mức phạt bằng 20% nghĩa vụ thuế phải nộp hoặc 0,07% tổng thu nhập gộp cho dù tính theo cách đó mức phạt sẽ lớn hơn | Mức phạt được tính theo mức 0,03% mỗi ngày | Mức phạt từ 10-30% tuỳ theo mức độ của khoản kê khai thấp hơn |
| **Luxambua** | Mức phạt bằng 10% nghĩa vụ thuế phải nộp | Tiền lãi được tính theo mức 0,6%/tháng cộng thêm 10% nếu cố tình không nộp thuế đúng hạn | Mức phạt tính đến 40% số thuế đã trốn |
| **Mêhicô** |  |  | Mức phạt có thể từ 20-100%, tuỳ theo mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm |
| **Hà Lan** | Mức phạt từ 100-1.100 đơn vị tiền tệ | Lãi suất thay đổi hàng quý (tháng 1/2003 quy định mức 3,25% ) | Đối với hành vi vi phạm hình sự, mức phạt bằng tiền có thể từ 4.500 - 450.000 tuỳ theo mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm |
| **Niudilan** | Mức phạt từ 50-500 đơn vị tiền tệ tùy theo mức độ thu nhập thuần của ĐTNT | Phạt nộp chậm được tính theo mức 5% số thuế phải nộp cộng thêm khoản nộp bổ sung 2% số thuế chưa nộp và tiền phạt cho mỗi tháng nộp chậm tiếp theo | Mức phạt hành chính từ 20% (đối với trường hợp thiếu sự giám sát hợp lý) đến 150% đối với các trường hợp tránh thuế/gian lận nghiêm trọng. Đối với các hành vi vi phạm hình sự, mức phạt tính đến 50.000 đơn vị tiền tệ và phải chịu án tù không quá 5 năm |
| **Nauy** | Mức phạt từ 0,1% - 2% thu nhập thuần | Tiền lãi tính bằng 15% đối với thuế khấu trừ tại nguồn và 12% đối với thu nhập không bị khấu trừ tại nguồn | Phạt hành chính: phụ thu tính đến 60% số thuế phải nộp, đối với các hành vi vi phạm hình sự: chịu phạt và án tù 2 năm |
| **Bồ Đào Nha** | Lãi bù phải nộp là 4%/năm | Lãi bù phải nộp tính theo mức bằng 1% mỗi tháng | Phạt hành chính: mức phạt tính đến 3.750 đơn vị tiền tệ đối với các trường hợp vi phạm nhỏ, các trường hợp khác phải chịu mức phạt cao hơn tuỳ theo mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm |
| **CH Slovakia** | Mức phạt từ 0,2 – 10% số thuế kê khai và có thể lên đến 1 triệu đơn vị tiền tệ | Tiền lãi nợ trên số thuế nộp chậm bằng 4 lần số gốc do Ngân hàng quốc gia ban hành | Đối với hành vi vi phạm hình sự, chịu phạt và án tù có thể tới 12 năm |
| **Tây ban Nha** | Nộp phụ phí phạt | Tiền lãi nộp chậm (với lãi suất thay đổi hàng năm) cộng thêm khoản phụ thu | Phạt hành chính: khoản phạt bằng số thuế nộp thiếu, đối với hành vi vi phạm ít nghiêm trọng hơn, mức phạt từ 0-50%, đối với các trường hợp nghiêm trọng khác: 50-100%, nghiêm trọng hơn: 100-150%. Vi phạm hình sự: mức phạt toà tuyên bố có thể gấp 6 lần số thuế đã trốn và có thể phải chịu án tù tới 4 năm |
| **Thuỵ Điển** | Phạt hành chính bằng 1.000 đơn vị tiền tệ, và chịu thêm 4.000 đơn vị tiền tệ nếu không nộp tờ khai sau khi đã có thư nhắc |  | 40% phụ thu trên số thu nhập trốn không kê khai. Trường hợp cơ quan thuế đã có các thông tin liên quan về thu nhập của ĐTNT, mức phạt có thể giảm xuống 20% |
| **Thổ Nhĩ Kỳ** |  | Tiền phạt nộp chậm tính theo mức 4%/tháng | Phạt hành chính tính đến 100% số thuế kê khai thiếu cộng thêm 1/2 số phí nộp chậm. Đối với hành vi vi phạm hình sự có thể chịu án tù từ 6 tháng - 3 năm |
| **Anh** | Mức phạt bằng 100 bảng Anh nếu nộp chậm tờ khai; chịu thêm mức phạt 100 bảng nếu không nộp tờ khai trong vòng 6 tháng, chịu phạt thêm 100% nghiã vụ thuế nếu không nộp tờ khai trong vòng 1 năm và còn có thể phải chịu phạt thêm | Tiền lãi do nộp chậm đối với các loại thuế nộp chậm tính theo mức khác nhau.  - Tiền phạt nộp theo mức 5% nếu nộp chậm 30 ngày kể từ ngày đến hạn.  - Nếu tiếp tục không nộp thuế phải nộp thêm 5% cho đến 6 tháng.  - Nếu tiếp tục không nộp phải nộp thêm 5% cho đến 12 tháng**[[71]](#footnote-71)**. | Nộp thuế bổ sung tính đến 100% số thuế phải nộp tuỳ theo mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm |
| **In-đô-nê-xi-a[[72]](#footnote-72)** | Không nộp tờ khai thuế GTGT đúng hạn, phạt 500.000 IDR.  Không nộp tờ khai thuế hàng tháng, phạt 100.000 IDR  Không nộp tờ khai thuế TNDN, phạt 1.000.000 IDR | Đối tượng chậm nộp thuế chịu mức phạt lãi là 2%/tháng (tối đa là 24 tháng) |  |
| **Xing-ga-po[[73]](#footnote-73)** |  | Nếu chậm nộp thuế, doanh nghiệp bị phạt mới mức tối đa lên tới 17% số dư thuế. |  |
| **Phi-lip-pin[[74]](#footnote-74)** | DN không thực hiện nộp TKT phải chịu mức phạt là 1.000 PHP cho mỗi lần khai thuế và số tiền phạt dân sự tương đương với 25% số tiền thuế phải trả. |  |  |
| *Nguồn: IBFD* | | | |

**Phục lục 4: Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử trong việc phát hành hóa đơn ở Phi-líp-pin**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giao dịch** | **Thanh toán thông qua thẻ tín dụng** | **Thanh toán thông qua ngân hàng** | **Thanh toán tiền mặt khi khách hàng nhận được hàng hóa và dịch vụ tại địa điểm giao nhận** |
| Mua sắm trực tuyến hoặc bán lẻ trực tuyến, nếu người mua thanh toán tiền hàng thông qua: | (a) Chủ thể bán hàng cung cấp hóa đơn BIR điện tử/biên lai thanh toán chính thức đối với tổng số tiền mua hàng  (b) Phát hành phiếu thu xác nhận về số tiền nhận được cho công ty tín dụng.  (c) Trả phí hoa hồng và công ty thẻ tín dụng khấu trừ luôn 10% số tiền thanh toán (đây là số thuế phải nộp cho cơ quan thu) | (a) Phát hành hóa đơn/biên lai chính thức khoản thanh toán của người mua  (b) Ngân hàng phát hành biên lai xác nhận đã thu tiền của người mua | Phát hành hóa đơn BIR/biên lai chính thức theo cách thủ công hoặc điện tử cho người mua hàng |
| Nếu chủ thể cung cấp dịch vụ trung gian kiểm soát việc thanh toán của khách hàng hoặc đưa ra thị trường các sản phẩm của họ thì được nhà bán lẻ: | (a) Bên trung gian cung cấp hóa đơn BIR điện tử/biên lai thanh toán chính thức đối với tổng số tiền mua hàng  (b) Phát hành phiếu thu xác nhận về số tiền nhận được cho công ty tín dụng.  (c) Trả phí hoa hồng và công ty thẻ tín dụng tự động khấu trừ 10% số tiền thanh toán (đây là số thuế phải nộp cho cơ quan thu).  (d) Chuyển số tiền còn lại (sau khi đã trừ đi chi phí, số thuế khấu trừ tại nguồn và tiền hoa hồng…) cho chủ thể bán lẻ | (a) Phát hành hóa đơn/biên lai chính thức khoản thanh toán của người mua  (b) Ngân hàng phát hành biên lai xác nhận đã thu tiền của người mua  (c) Chuyển số tiền còn lại (sau khi đã trừ đi chí phí, số thuế khấu trừ tại nguồn và tiền hoa hồng…) cho chủ thể bán lẻ | (a) Đảm bảo hóa đơn/biên lai chính thức từ chủ thể bán lẻ trước khi vận chuyển hàng hóa cho khách hàng  (b) Phát hành hóa đơn BIR/biên lai chính thức theo cách thủ công hoặc điện tử cho người mua hàng  (c) Nếu là đại lý thì phát hành biên lai chính thức đối với tổng số hoa hồng nhận được |
| Nếu chủ thể trung gian là đại lý của thương gia: | (a) Phát hành biên lai xác nhận của thương gia (đối với hàng hóa)/biên lai chính thức cho người mua (trong trường hợp này thương gia đóng vai trò chỉ định giấy chứng nhận cho đại lý trung gian)  (b) Đảm bảo thương gia vận chuyển hàng hóa giao cho người mua với hóa đơn đi kèm hoặc thương gia thực hiện các dịch vụ đã mua  (c) Phát hành biên lai chính thức cho thương gia về toàn bộ số tiền hoa hồng và phản ánh trong đó số tiền thuế bị khấu trừ | (a) Phát hành biên lai xác nhận của thương gia (đối với hàng hóa)/biên lai chính thức cho người mua (trong trường hợp này thương gia đóng vai trò chỉ định giấy chứng nhận cho đại lý trung gian)  (b) Đảm bảo thương gia vận chuyển hàng hóa giao cho người mua với hóa đơn đi kèm hoặc thương gia thực hiện các dịch vụ đã mua  (c) Phát hành biên lai chính thức cho thương gia về toàn bộ số tiền hoa hồng và phản ánh trong đó số tiền thuế bị khấu trừ | (a) Đảm bảo hóa đơn/biên lai chính thức từ chủ thể bán lẻ trước khi vận chuyển hàng hóa cho khách hàng  (b) Phát hành hóa đơn BIR/biên lai chính thức theo cách thủ công hoặc điện tử cho người mua hàng  (c) Nếu là đại lý thì phát hành biên lai chính thức đối với tổng số hoa hồng nhận được |

*Nguồn:* [*http://digitalfilipino.com/core/uploads/2013/09/tax-guidelines-for-ecommerce-transactions-philippines2.pdf*](http://digitalfilipino.com/core/uploads/2013/09/tax-guidelines-for-ecommerce-transactions-philippines2.pdf)

**Phục lục 5: Trách nhiệm của khách hàng trong việc nhận hóa đơn và biên lai thu chính thức từ người bán và nhà cung cấp dịch vụ kinh doanh thương mại điện tử ở Phi-líp-pin**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giao dịch** | **Qua thẻ tín dụng** | **Qua Ngân hàng** | **Thanh toán tiền mặt khi khách hàng nhận được hàng hóa và dịch vụ tại địa điểm giao nhận** |
| Mua sắm trực tuyến hoặc bán lẻ trực tuyến, nếu người mua thanh toán tiền hàng thông qua: | (a) Nhận xác nhận thanh toán theo tên của người bán và giá mua mà công ty thẻ tín dụng tính thêm phí  (b) Nhận hóa đơn/biên lai chính thức từ người bán khi nhận hàng hoặc dịch vụ | (a) Nhận bản sao xác nhận thanh toán của người bán; và  (b) Nhận hóa đơn/Biên lai chính thức từ người bán khi nhận hàng hoặc dịch vụ | Nhận hóa đơn điện tử hoặc hóa đơn viết tay chính thức xác nhận toàn bộ khoản thanh toán cho bên bán |
| Với các giao dịch trung gian | (a) Nhận xác nhận thanh toán theo tên của người bán và giá mua mà công ty thẻ tín dụng tính thêm phí  (b) Nhận hóa đơn/Biên lai chính thức khi bên trung gian giao hàng hoặc dịch vụ | (a) Nhận bản sao xác nhận thanh toán của bên trung gian hoặc người bán; và  (b) Nhận hóa đơn/Biên lai chính thức khi bên trung gian giao hàng hoặc dịch vụ | Nhận hóa đơn điện tử hoặc hóa đơn viết tay chính thức xác nhận toàn bộ khoản thanh toán cho bên trung gian |

**Nguồn:** [*http://digitalfilipino.com/core/uploads/2013/09/tax-guidelines-for-ecommerce-transactions-philippines2.pdf*](http://digitalfilipino.com/core/uploads/2013/09/tax-guidelines-for-ecommerce-transactions-philippines2.pdf)

1. OECD (2015), “Tax Administration 2015: Comparative Information on OECD and Other Advanced and Emerging Economies”, OECD Publishing, Paris.

   <http://www.keepeek.com/Digital-Asset-Management/oecd/taxation/tax-administration-2015_tax_admin-2015-en#page253> [↑](#footnote-ref-1)
2. Từ Điều 30 đến 84, Chương 4 của Luật Quản lý thu thuế sửa đổi năm 2012

   <http://tax.mofcom.gov.cn/tax/taxfront/en/article.jsp?c=30103&tn=1&id=c379952673474076aea4f578011eea0b>. [↑](#footnote-ref-2)
3. <http://taxsummaries.pwc.com/ID/Indonesia-Corporate-Tax-administration> [↑](#footnote-ref-3)
4. <http://www.internationallawoffice.com/Newsletters/Insolvency-Restructuring/Italy/Lombardi-Molinari-e-Associati/New-Rules-on-Tax-Liability-Settlements-in-Insolvency-Procedures> [↑](#footnote-ref-4)
5. Bổ sung Điều 146 của Nghị định 5/2009 vào Điều 182(3) của Luật Phá sản, theo đó sửa đổi quy định áp dụng cho “quyết toán nợ thuế” trong phạm vi Nghị định 138/2002 (ban hành theo Điều 21 của Luật 178/2002). [↑](#footnote-ref-5)
6. <http://www.scielo.br/pdf/rcf/v27n70/1519-7077-rcf-201500020.pdf> [↑](#footnote-ref-6)
7. <http://www.uscourts.gov/services-forms/bankruptcy/bankruptcy-basics/discharge-bankruptcy-bankruptcy-basics>; <http://www.nolo.com/legal-encyclopedia/what-not-do-before-bankruptcy.html> [↑](#footnote-ref-7)
8. <http://www.ok.gov/tax/documents/PktS.pdf> [↑](#footnote-ref-8)
9. <https://www.irs.gov/publications/p908/ar02.html#en_US_2012_publink1000117995> <http://davidmsiegel.com/chapter-7-bankruptcy-audits-prove-burdensome-on-debtors/>; <http://tax.illinois.gov/taxforms/incmcurrentyear/business/fiduciary/il-1041-instr.pdf>;

   <https://www.justia.com/bankruptcy/docs/bankruptcy-tax-guide/determination-of-tax.html> [↑](#footnote-ref-9)
10. <https://www.oxfordbusinessgroup.com/overview/improved-environment-tax-system-and-regulations-potential-investors> [↑](#footnote-ref-10)
11. <https://www.iras.gov.sg/irashome/Businesses/Companies/Managing-Taxes-for-Dormant-Companies-or-Companies-Closing-Down/Companies-under-Liquidation/-Judicial-Management/-Receivership/> [↑](#footnote-ref-11)
12. Với năm tài chính bắt đầu từ ngày 1/7/2015, các doanh nghiệp đang hoạt động và doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí là doanh nghiệp nhỏ (có tối đa là 50 thành viên sở hữu doanh nghiệp và trong 02 năm trước liền kề có tổng doanh thu ≤ 10 triệu S$/năm, tổng tài sản dưới 10 triệu S$ và số lượng nhân viên ≤ 50 người) thì không bị yêu cầu phải có kiểm toán đối với báo cáo tài chính của doanh nghiệp (Theo Luật Doanh nghiệp).

    Với năm tài chính bắt đầu trước ngày 1/7/2015, các doanh nghiệp đang hoạt động và các doanh nghiệp tư nhân có tổng doanh thu không vượt quá 5 triệu S$ không bị yêu cầu phải có kiểm toán báo cáo tài chính.

    Nguồn: <https://www.iras.gov.sg/irashome/Businesses/Companies/Filing-Taxes--Form-C-S-Form-C-/Guidance-on-Completing-Form-C-S-C/Documents-to-Prepare-when-Filing-Form-C-S/-C/#title3> [↑](#footnote-ref-12)
13. <https://www.acra.gov.sg/components/wireframes/howToGuidesChapters.aspx?pageid=1226#1229> [↑](#footnote-ref-13)
14. <https://www.rikvin.com/compliance/annual-filing-requirements-with-acra/>; <http://statutes.agc.gov.sg/aol/search/display/view.w3p;page=0;query=DocId%3A%22c3063e4b-61ed-4faf-8014-fabd5b998ed7%22%20Status%3Ainforce%20Depth%3A0;rec=0#pr6-he->. [↑](#footnote-ref-14)
15. <http://taxsummaries.pwc.com/ID/Philippines-Individual-Tax-administration>; <http://taxsummaries.pwc.com/ID/Thailand-Individual-Tax-administration> [↑](#footnote-ref-15)
16. <http://taxsummaries.pwc.com/ID/Indonesia-Individual-Tax-administration> [↑](#footnote-ref-16)
17. <https://www.service-public.fr/particuliers/vosdroits/F31451> [↑](#footnote-ref-17)
18. <https://www.belgium.be/fr/impots/impot_sur_les_revenus/societes/declaration/controle> [↑](#footnote-ref-18)
19. <http://www.francaisdesuisse.ch/download/d15__f.pdf> [↑](#footnote-ref-19)
20. ADB (2016), “*A comparative analysis of tax administration in Asia and the Pacific*”. [↑](#footnote-ref-20)
21. <http://www.ey.com/lu/en/services/tax/tax-alert_20130507_luxembourg-law-on-tax-reform-2017-has-vat-implications> [↑](#footnote-ref-21)
22. <http://taxsummaries.pwc.com/ID/Philippines-Corporate-Tax-administration> [↑](#footnote-ref-22)
23. <https://www.pwc.com/id/en/pocket-tax-book/english/pocket-tax-book-2016.pdf> [↑](#footnote-ref-23)
24. <https://www.nta.go.jp/foreign_language/report2003/contents.htm> : mục 6 Tax Payment and Collection of Delinquent Taxes. [↑](#footnote-ref-24)
25. Minstry of Strategy and Finance, Korea Taxation 2016; p.192 [↑](#footnote-ref-25)
26. <http://tax.mofcom.gov.cn/tax/taxfront/en/article.jsp?c=30103&tn=1&id=c379952673474076aea4f578011eea0b> [↑](#footnote-ref-26)
27. <https://papers.ssrn.com/sol3/papers2.cfm?abstract_id=1776711> [↑](#footnote-ref-27)
28. European VAT refund guide 2012. Deloite 2012. [↑](#footnote-ref-28)
29. The 2011 worldwide VAT, GST and sales tax guide. Earns and Young 2012. [↑](#footnote-ref-29)
30. <http://www.dmgt.co.kr/images/down/VAT_eBook_for_Korea.pdf> [↑](#footnote-ref-30)
31. <http://www.mfin.gov.rs/UserFiles/File/english/Tax%20Procedure%20and%20Tax%20Administration%20Act.pdf> [↑](#footnote-ref-31)
32. <https://www.comlaw.gov.au/Details/C2004A01152> [↑](#footnote-ref-32)
33. <https://www.nolo.com/legal-encyclopedia/bankruptcy-tax-debts-eliminating-29550.html> [↑](#footnote-ref-33)
34. <http://taxaid.org.uk/guides/taxpayers/tax-debt/bankruptcy> [↑](#footnote-ref-34)
35. <http://taxaid.org.uk/guides/taxpayers/tax-debt/bankruptcy> [↑](#footnote-ref-35)
36. <http://www.sands-trustee.com/faq/what-about-tax-debt-with-canada-revenue-agency/> [↑](#footnote-ref-36)
37. <http://peopleof.oureverydaylife.com/happens-federal-income-tax-debt-person-owes-dies-4098.html> [↑](#footnote-ref-37)
38. <https://www.irs.gov/pub/irs-pdf/p559.pdf> [↑](#footnote-ref-38)
39. <http://devrieslitigation.com/wp-content/uploads/2013/09/FILING-TAX-RETURNS-FOR-THE-DECEASED-AND-THE-ESTATE-by-Justin-de-Vries-and-Diane-Vieira.pdf> [↑](#footnote-ref-39)
40. GST act 2014

    http://www.customs.gov.my/en/pg/Documents/BI%20ACT%20762.pdf [↑](#footnote-ref-40)
41. <http://bofip.impots.gouv.fr/bofip/3663-PGP.html> [↑](#footnote-ref-41)
42. <http://www2.publicationsduquebec.gouv.qc.ca/dynamicSearch/telecharge.php?type=16&file=A6_002IF27_3T1R3BULB.pdf> [↑](#footnote-ref-42)
43. <http://www.sars.gov.za/AllDocs/LegalDoclib/AABC/LAPD-LPrim-Act-2012-01%20-%20Tax%20Administration%20Act%202011.pdf> [↑](#footnote-ref-43)
44. <http://www.mfin.gov.rs/UserFiles/File/english/Tax%20Procedure%20and%20Tax%20Administration%20Act.pdf> [↑](#footnote-ref-44)
45. Korea taxation, 2016; p.182 [↑](#footnote-ref-45)
46. Cơ quan thuế đánh giá lại đối với đối tượng nộp thuế là doanh nghiệp lớn trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kiểm toán độc lập [↑](#footnote-ref-46)
47. 15 ngày đối với đánh giá sơ bộ và 30 ngày đối với đánh giá cuối cùng [↑](#footnote-ref-47)
48. 15 ngày đối với cơ quan thuế để quyết định phản hồi của người nộp thuế đối với thông báo đánh giá sơ bộ; Đối với thông báo đánh giá cuối cùng không có giới hạn thời gian cho cơ quan thuế nhưng người nộp thuế có thể tìm kiếm giải pháp ở tòa sau 180 ngày. [↑](#footnote-ref-48)
49. <https://www.chinabusinessreview.com/changing-import-tax-policies-for-e-commerce-in-china/> [↑](#footnote-ref-49)
50. Amazone.com là website bán lẻ hàng đầu trên thế giới, thực hiện các hoạt động bán các chủng loại hàng hóa đa dạng (đồ chơi, sách, máy tính, các trò chơi số, phần mềm và các sản phẩm vô hình, hữu hình khác...). Theo số liệu ước tính năm 2010, doanh thu của Amazone.com đạt hơn 34 tỷ USD. Còn eBay.com là website dành cho cá nhân người dùng gặp gỡ và trao đổi mua bán hàng online (có khoảng 97 triệu người dùng). Theo số liệu ước tính năm 2010, tổng giá trị hàng hóa được bán trên eBay là khoảng 62 tỷ USD. [↑](#footnote-ref-50)
51. <http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/tron-thue-thuong-mai-dien-tu-nhan-dien-cac-hanh-vi-va-giai-phap-xu-ly-68187.html> [↑](#footnote-ref-51)
52. <http://digitalfilipino.com/tax-guidelines-e-commerce-transactions-philippines/>; <http://digitalfilipino.com/core/uploads/2013/09/tax-guidelines-for-ecommerce-transactions-philippines2.pdf> [↑](#footnote-ref-52)
53. [↑](#footnote-ref-53)
54. Theo quy định hiện hành:

    (i) Doanh nghiệp phải nộp tờ khai thuế thu nhập theo quý và trong vòng 60 ngày kể từ ngày kết thúc ba quý đầu năm đóng thuế, doanh nghiệp phải nộp tờ khai thuế tóm tắt tổng thu nhập và các khoản được khấu trừ tính đến thời điểm nộp và doanh nghiệp phải nộp tờ khai thuế cuối cùng hàng năm trước hoặc vào ngày thứ 15 của tháng thứ tư sau khi kết thúc năm tính thuế.

    (ii) Cá nhân phải nộp tờ khai trước hoặc vào ngày 15/4 của năm tính thuế tiếp theo.

    Nguồn: <http://taxsummaries.pwc.com/ID/Philippines-Corporate-Tax-administration> [↑](#footnote-ref-54)
55. Các luật thuế hiện hành quy định không phân biệt việc phát hành hóa đơn đối với các giao dịch mua và bán hàng hóa hoặc dịch vụ theo hình thức thông thường hoặc thông qua TMĐT [↑](#footnote-ref-55)
56. <http://pugnatorius.com/e-commerce/> [↑](#footnote-ref-56)
57. European Commission (2016). Commission proposes new tax rules to support e-commerce and online businesses in the EU. Press release [↑](#footnote-ref-57)
58. <https://www.adb.org/sites/default/files/publication/193541/tax-admin-asia-pacific-2016.pdf> [↑](#footnote-ref-58)
59. <http://taxsummaries.pwc.com/ID/Philippines-Corporate-Tax-administration> [↑](#footnote-ref-59)
60. <http://taxsummaries.pwc.com/ID/Thailand-Individual-Tax-administration> [↑](#footnote-ref-60)
61. <http://taxsummaries.pwc.com/ID/Japan-Corporate-Tax-administration> [↑](#footnote-ref-61)
62. EY (2017), “*2017 Japan Tax reform: taxation related to financial business*”. [↑](#footnote-ref-62)
63. Các khoản thuế tạm tính được tính bằng một nửa số thuế phải nộp của năm trước liền kề, nhưng có thể được giảm bớt bằng việc nộp tờ khai thuế tạm tính phản ánh kết quả hoạt động trong nửa năm của doanh nghiệp. [↑](#footnote-ref-63)
64. <http://taxsummaries.pwc.com/ID/Korea-Corporate-Tax-administration> [↑](#footnote-ref-64)
65. <http://taxsummaries.pwc.com/ID/Malaysia-Corporate-Tax-administration> [↑](#footnote-ref-65)
66. <http://taxsummaries.pwc.com/ID/Singapore-Corporate-Tax-administration> [↑](#footnote-ref-66)
67. Quy định hiện hành cho thấy đối tượng nộp thuế bắt buộc phải nộp hồ sơ khai thuế điện tử từ 2018 đến 2020. [↑](#footnote-ref-67)
68. <http://taxsummaries.pwc.com/ID/Singapore-Individual-Tax-administration> [↑](#footnote-ref-68)
69. <https://www.eytax.jp/pdf/newsletter/2016/Japan_tax_alert_5_February_2016_e.pdf> [↑](#footnote-ref-69)
70. <http://taxsummaries.pwc.com/uk/taxsummaries/wwts.nsf/ID/Japan-Corporate-Tax-administration>; <https://www.eytax.jp/pdf/newsletter/2016/Japan_tax_alert_5_February_2016_e.pdf> [↑](#footnote-ref-70)
71. <http://www.bdo.co.uk/talk-shop/late-tax-return-and-late-payment-penalties-how-to-avoid-them-helen-adams> [↑](#footnote-ref-71)
72. <http://taxsummaries.pwc.com/ID/Indonesia-Corporate-Tax-administration> [↑](#footnote-ref-72)
73. <http://taxsummaries.pwc.com/ID/Singapore-Corporate-Tax-administration> [↑](#footnote-ref-73)
74. <http://taxsummaries.pwc.com/ID/Philippines-Corporate-Tax-administration> [↑](#footnote-ref-74)